SAO Y; Sở Nội vụ Hà Nội 11/10/2022 17:35:31

Biểu 2

KẾT QUẢ THI TRẮC NGHIỆM MÔN KIẾN THỨC CHUNG VÀ NGOẠI NGỮ TRÊN MÁY VI TÍNH VÒNG 1
KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 3048 /TB-HĐTT ngày 11 /10/2022 của Hội đồng thi tuyển công chức)

Ca	P	TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên	Mã Chuyên ngành	Số câu đúng môn KTC/60 câu	Số câu đúng môn Ngoại ngữ/30 câu	Đủ điều kiện thi V2 (Đủ ĐK)
1	1	1	CV0001	Nguyễn Thu	Hằng	06/02/1991	Nữ	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Anh		CT	29	17	
1	1	2	CV0002	Phạm Xuân	Hoà	20/12/1992	Nam	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Anh	CBB	CT	28	16	
1	1	3	CV0003	Nguyễn Duy	Khánh	23/9/1997	Nam	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Anh		CT	25	9	
1	1	4	CV0004	Nguyễn Đức Hoàng	Long	11/8/2000	Nam	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Anh		CT	32	20	Đủ ĐK
1	1	5	CV0005	Doãn Hằng	Ngọc	14/12/1999	Nữ	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Anh		CT	29	26	
1	1	6	CV0006	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	13/01/2000	Nữ	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Anh		CT	29	24	

1	1	7	CV0007	Mai Hồng	Nguyên	09/6/1989	Nữ	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Anh		CT	45	17	Đủ ĐK
1	1	8	CV0008	Vi Thị Hà	Nhi	01/02/1999	Nữ	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Anh	DTTS	CT	Vắng	Vắng	
1	1	9	CV0009	Hoàng Thị Minh	Thu	01/11/1997	Nữ	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Anh		CT	Vắng	Vắng	
1	1	10	CV0010	Phạm Anh	Tuấn	07/11/1987	Nam	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Anh		CT	24	14	
1	1	11	CV0011	Đỗ Xuân	Tùng	09/3/1998	Nam	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương			CT	30	Miễn	Đủ ĐK
1	1	12	CV0012	Đào Quang	Vinh	22/9/1990	Nam	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Anh		CT	36	9	
1	1	13	CV0013	Nguyễn Phương	Anh	14/6/1997	Nữ	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Anh		CT	49	16	Đủ ĐK
1	1	14	CV0014	Phùng Thị Phương	Anh	15/12/1990	Nữ	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Anh		CT	40	21	Đủ ĐK
1	1	15	CV0015	Phan Thị	Bình	10/5/1989	Nữ	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Anh		CT	35	18	Đủ ĐK
1	1	16	CV0016	Lê Thị	Chúc	16/5/1998	Nữ	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Anh		CT	39	24	Đủ ĐK
1	1	17	CV0017	Lê Bá	Cường	26/3/1996	Nam	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Anh		CT	31	14	
1	1	18	CV0018	Đỗ Diệu	Linh	04/5/1993	Nữ	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Anh		CT	40	21	Đủ ĐK
1	1	19	CV0019	Nguyễn Thị	Thu	09/01/1986	Nữ	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Anh		CT	36	15	Đủ ĐK

1	1	20	CV0020	Đặng Thị	Thúy	26/5/1997	Nữ	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Anh		CT	Vắng	Vắng	
1	1	21	CV0021	Phạm Thị Hải	Yến	25/9/1987	Nữ	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm			CT	50	Miễn	Đủ ĐK
1	1	22	CV0022	Nguyễn Quang	Anh	23/10/1996	Nam	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Anh	HTNVCA	CT	22	20	
1	1	23	CV0023	Nguyễn Thế	Anh	29/8/1998	Nam	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Anh		CT	25	11	
1	1	24	CV0024	Nguyễn Hoàng	Hiệp	29/12/2000	Nam	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Anh		CT	31	23	Đủ ĐK
1	1	25	CV0025	Phạm Hoàng	Hùng	05/7/1999	Nam	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa			CT	44	Miễn	Đủ ĐK
1	1	26	CV0026	Nguyễn Đức	Mạnh	16/11/1999	Nam	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Anh		CT	27	25	
1	1	27	CV0027	Nguyễn Thành	Nam	28/5/1997	Nam	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Anh		CT	38	19	Đủ ĐK
1	1	28	CV0028	Nhữ Minh	Quang	15/01/1999	Nam	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Anh		CT	46	23	Đủ ĐK
1	1	29	CV0029	Đỗ Hải	Sơn	27/01/1999	Nam	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Anh		CT	41	21	Đủ ĐK
1	1	30	CV0030	Nguyễn Kim	Thu	06/8/2000	Nữ	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Anh		CT	Vắng	Vắng	
1	1	31	CV0031	Phùng Thị Quỳnh	Anh	03/6/1993	Nữ	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Anh		CT	Vắng	Vắng	
1	1	32	CV0032	Lê Thị	Cúc	31/12/1999	Nữ	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Anh		CT	23	7	
1	1	33	CV0033	Đỗ Thị	Hiệp	04/01/1988	Nữ	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Anh		CT	37	16	Đủ ĐK
1	1	34	CV0034	Nguyễn Thế	Hiếu	03/4/1984	Nam	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Anh		CT	25	10	
1	2	1	CV0035	Trần Thị Ánh	Hồng	09/06/1986	Nữ	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Anh	CĐCĐ	CT	40	9	
1	2	2	CV0036	Nguyễn Thùy	Linh	19/9/1999	Nữ	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Anh		CT	32	15	Đủ ĐK
1	2	3	CV0037	Nguyễn Khắc	Long	16/12/1990	Nam	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Anh		CT	31	8	

1	2	4	CV0038	Lê Thị	Oanh	20/02/1987	Nữ	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Anh		CT	Vắng	Vắng	
1	2	5	CV0039	Đặng Thị Thu	Uyên	29/01/1996	Nữ	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Anh		CT	21	5	
1	2	6	CV0040	Đỗ Thị Mai	Anh	01/8/1996	Nữ	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Anh		DL	38	18	Đủ ĐK
1	2	7	CV0041	Đỗ Thu	Hằng	10/5/1990	Nữ	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Anh		DL	41	21	Đủ ĐK
1	2	8	CV0042	Trịnh Công	Huy	03/10/2000	Nam	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Anh		DL	40	21	Đủ ĐK
1	2	9	CV0043	Tạ Thị Thanh	Nhàn	31/5/2000	Nữ	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Anh		DL	Vắng	Vắng	
1	2	10	CV0044	Bùi Nhật	Quang	16/11/1991	Nam	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch			DL	37	Miễn	Đủ ĐK
1	2	11	CV0045	Vũ Minh	Thành	02/11/1991	Nam	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch			DL	32	Miễn	Đủ ĐK
1	2	12	CV0046	Nguyễn Thị	Thảo	08/9/1991	Nữ	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Anh		DL	33	11	
1	2	13	CV0047	Bùi Hồng	Thi	08/8/1998	Nam	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Anh	DTTS	DL	23	4	
1	2	14	CV0048	Ngô Thị	Thương	22/9/1990	Nữ	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Anh		DL	39	20	Đủ ĐK
1	2	15	CV0049	Lê Thị	Thúy	08/5/1988	Nữ	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Anh	CBB	DL	29	12	
1	2	16	CV0050	Đỗ Thị	Thùy	16/9/1988	Nữ	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch			DL	23	Miễn	
1	2	17	CV0051	Lê Minh	Toàn	17/6/1998	Nam	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Anh		DL	27	Vắng	
1	2	18	CV0052	Phạm Thị Nguyệt	Hằng	26/02/1996	Nữ	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Anh		GD	Vắng	Vắng	
1	2	19	CV0053	Nguyễn Thị	Hậu	11/10/1992	Nữ	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Anh		GD	35	12	
1	2	20	CV0054	Nguyễn Thị Thu	Hiền	15/3/1992	Nữ	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Anh		GD	20	14	
1	2	21	CV0055	Nguyễn Trung	Hưng	24/8/1998	Nam	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Anh		GD	26	10	

1	2	22	CV0056	Đặng Thanh	Huyền	18/12/1993	Nữ	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Anh		GD	32	15	Đủ ĐK
1	2	23	CV0057	Ngô Phượng	Linh	22/4/2000	Nữ	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Anh		GD	29	21	
1	2	24	CV0058	Nguyễn Thị Thùy	Linh	24/8/2000	Nữ	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Anh		GD	Vắng	Vắng	
1	2	25	CV0059	Chu Thị Minh	Nguyệt	06/10/1993	Nữ	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Anh		GD	26	13	
1	3	1	CV0060	Phan Thị	Nhung	10/2/1993	Nữ	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Anh		GD	30	15	Đủ ĐK
1	3	2	CV0061	Nguyễn Ngọc	Oanh	17/5/1997	Nữ	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Anh		GD	18	5	
1	3	3	CV0062	Trương Việt	Phương	14/01/1995	Nam	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình			GD	29	Miễn	
1	3	4	CV0063	Nguyễn Thị	Quỳnh	14/8/1992	Nữ	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Anh		GD	24	10	
1	3	5	CV0064	Nguyễn Thị	Thanh	03/01/1995	Nữ	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Anh		GD	37	13	
1	3	6	CV0065	An Thị Thu	Thủy	20/12/1995	Nữ	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Anh		GD	37	20	Đủ ĐK
1	3	7	CV0066	Lê Mạnh	Toàn	23/6/1995	Nam	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Anh		GD	25	12	
1	3	8	CV0067	Vũ Thị	Cúc	10/8/1990	Nữ	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		GD	Vắng	Vắng	
1	3	9	CV0068	Vũ Việt	Cường	15/01/1996	Nam	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		GD	27	22	
1	3	10	CV0069	Nguyễn Thùy	Dung	11/8/1994	Nữ	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm			GD	39	Miễn	Đủ ĐK
1	3	11	CV0070	Lý Thị	Hậu	16/5/1998	Nữ	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		GD	29	14	
1	3	12	CV0071	Phạm Thị	Hoa	23/11/1994	Nữ	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		GD	Vắng	Vắng	
1	3	13	CV0072	Bùi Thị Thu	Hoài	17/8/1999	Nữ	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		GD	36	18	Đủ ĐK
1	3	14	CV0073	Đinh Thị	Hoàn	05/3/1995	Nữ	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh	DTTS	GD	26	18	

1	3	15	CV0074	Phạm Lê Diễm	My	06/3/2000	Nữ	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		GD	44	24	Đủ ĐK
1	3	16	CV0075	Nguyễn Phương	Thu	01/09/1995	Nữ	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		GD	Vắng	Vắng	
1	3	17	CV0076	Trần Thị Minh	Thúy	27/5/1999	Nữ	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		GD	29	20	
1	3	18	CV0077	Trường Thị	Trang	06/10/1976	Nữ	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		GD	16	7	
1	3	19	CV0078	Bùi Thị Minh	Huệ	06/01/1988	Nữ	126	Phòng GD&ĐT huyện Đan Phượng	Anh		GD	46	23	Đủ ĐK
1	3	20	CV0079	Thế Thị	Lương	02/12/1984	Nữ	127	Phòng GD&ĐT huyện Đan Phượng	Anh		GD	40	18	Đủ ĐK
1	3	21	CV0080	Vũ Lan	Phương	30/3/1996	Nữ	127	Phòng GD&ĐT huyện Đan Phượng	Anh		GD	38	25	Đủ ĐK
1	3	22	CV0081	Nguyễn Thị Khánh	Linh	26/11/1998	Nữ	139	Phòng GD&ĐT huyện Gia Lâm	Anh		GD	45	20	Đủ ĐK
1	3	23	CV0082	Bùi Thị Bích	Phương	16/8/1989	Nữ	139	Phòng GD&ĐT huyện Gia Lâm	Anh		GD	32	18	Đủ ĐK
1	3	24	CV0083	Nguyễn Thị	Thuỷ	04/11/1986	Nữ	139	Phòng GD&ĐT huyện Gia Lâm			GD	30	Miễn	Đủ ĐK
1	3	25	CV0084	Nguyễn Văn	Tú	30/9/1999	Nam	139	Phòng GD&ĐT huyện Gia Lâm	Anh		GD	36	24	Đủ ĐK
1	4	1	CV0085	Nguyễn Thị	Hạnh	13/02/1997	Nữ	160	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		GD	27	9	
1	4	2	CV0086	Đỗ Thị Thanh	Hảo	26/10/1975	Nữ	160	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		GD	23	8	
1	4	3	CV0087	Nguyễn Thu	Thủy	02/10/1986	Nữ	160	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		GD	35	13	
1	4	4	CV0088	Nguyễn Xuân	Công	22/3/1988	Nam	161	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		GD	26	13	
1	4	5	CV0089	Hoàng Thị	Loan	22/6/1998	Nữ	161	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		GD	28	18	
1	4	6	CV0090	Bùi Thị Thanh	Thùy	04/7/1985	Nữ	161	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		GD	36	14	

1	4	7	CV0091	Nguyễn Thùy	Trang	03/11/1996	Nữ	161	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		GD	Vắng	Vắng	
1	4	8	CV0092	Nguyễn Đình	Văn	29/9/1981	Nam	161	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Anh	CBB	GD	36	14	
1	4	9	CV0093	Nguyễn Thị	Vinh	16/01/1991	Nữ	161	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		GD	Vắng	Vắng	
1	4	10	CV0094	Nguyễn Thị	Hiên	06/01/1997	Nữ	162	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		GD	25	19	
1	4	11	CV0095	Đặng Tuấn	Anh	08/6/1991	Nam	25	Phòng Quản lý khoa học, Sở KH&CN	Anh		KC1	41	11	
1	4	12	CV0096	Nguyễn Ngọc	Anh	26/5/1996	Nữ	25	Phòng Quản lý khoa học, Sở KH&CN	Anh		KC1	23	12	
1	4	13	CV0097	Nguyễn Thị Kim	Anh	29/11/1989	Nữ	25	Phòng Quản lý khoa học, Sở KH&CN	Anh		KC1	33	27	Đủ ĐK
1	4	14	CV0098	Phạm Thị Khánh	Dương	30/12/2000	Nữ	25	Phòng Quản lý khoa học, Sở KH&CN	Anh		KC1	34	24	Đủ ĐK
1	4	15	CV0099	Nguyễn Xuân	Hồng	02/11/1996	Nữ	25	Phòng Quản lý khoa học, Sở KH&CN	Anh		KC1	40	12	
1	4	16	CV0100	Nguyễn Đức	Mạnh	14/8/1997	Nam	25	Phòng Quản lý khoa học, Sở KH&CN	Anh		KC1	30	11	
1	4	17	CV0101	Vũ Trung	Kiên	31/01/1998	Nam	26	Phòng QL tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Anh		KC2	33	24	Đủ ĐK
1	4	18	CV0102	Nguyễn Thị	Nga	28/10/1989	Nữ	26	Phòng QL tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Anh		KC2	24	8	
1	4	19	CV0103	Nguyễn Xuân	Thành	17/02/1984	Nam	26	Phòng QL tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Anh		KC2	19	9	
1	4	20	CV0104	Vũ Thị Phương	Anh	30/10/1995	Nữ	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Anh		KH	42	28	Đủ ĐK
1	4	21	CV0105	Nguyễn Văn	Chí	02/5/1995	Nam	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Anh		KH	Vắng	Vắng	
1	4	22	CV0106	Vũ Bình	Dương	27/3/2000	Nam	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Anh		KH	33	9	

1	4	23	CV0107	Phạm Hương	Giang	02/11/1999	Nữ	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Anh		KH	35	24	Đủ ĐK
1	4	24	CV0108	Nguyễn Huy	Hoàng	11/7/1999	Nam	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Anh	CTB	KH	39	25	Đủ ĐK
1	4	25	CV0109	Vũ Đức	Lương	18/02/1999	Nam	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Anh		KH	38	25	Đủ ĐK
1	5	1	CV0110	Tạ thanh	Nghị	09/9/1993	Nam	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Anh		KH	44	22	Đủ ĐK
1	5	2	CV0111	Đào Hương	Nguyên	09/02/1999	Nữ	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Anh		KH	33	24	Đủ ĐK
1	5	3	CV0112	Nguyễn Lan	Phương	07/10/1987	Nữ	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Anh	CTB	KH	Vắng	Vắng	
1	5	4	CV0113	Trương Thảo	Phương	03/6/1998	Nữ	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Anh		KH	48	26	Đủ ĐK
1	5	5	CV0114	Nguyễn Duy	Thái	05/12/1999	Nam	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Anh		KH	28	28	
1	5	6	CV0115	Trần Thảo	Trang	26/01/1994	Nữ	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Anh		KH	Vắng	Vắng	
1	5	7	CV0116	Nguyễn Thị	Yến	29/9/1999	Nữ	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Anh		KH	35	20	Đủ ĐK
1	5	8	CV0117	Nguyễn Ngọc	Dương	15/2/1998	Nam	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Anh		KH	27	27	
1	5	9	CV0118	Nguyễn Tiến	Hải	18/12/1991	Nam	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Anh		KH	27	Vắng	
1	5	10	CV0119	Ngô Thị Mai	Hiên	13/10/1989	Nữ	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Anh		KH	37	19	Đủ ĐK
1	5	11	CV0120	Phạm Minh	Huyền	25/5/1999	Nữ	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Anh		KH	31	27	Đủ ĐK
1	5	12	CV0121	Đinh Quang	Minh	20/5/2000	Nam	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Anh		KH	39	23	Đủ ĐK
1	5	13	CV0122	Phạm Đức	Minh	10/02/1994	Nam	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT			KH	46	Miễn	Đủ ĐK
1	5	14	CV0123	Trương Thị Lê	Ngân	02/01/1996	Nữ	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Anh	CBB	KH	37	21	Đủ ĐK
1	5	15	CV0124	Chu Thị Như	Ngọc	22/8/1996	Nữ	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Anh		KH	43	19	Đủ ĐK
1	5	16	CV0125	Nguyễn Thị	Thuỷ	29/10/1985	Nữ	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Anh		KH	48	17	Đủ ĐK

1	5	17	CV0126	Đỗ Trần	Trí	23/11/1993	Nam	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Anh		KH	40	20	Đủ ĐK
1	5	18	CV0127	Phạm Văn	Trường	25/01/1988	Nam	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT			KH	32	Miễn	Đủ ĐK
1	5	19	CV0128	Nguyễn Thu	Vân	17/4/1992	Nữ	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT			KH	40	Miễn	Đủ ĐK
1	5	20	CV0129	Vương Tuấn	Anh	25/8/1992	Nam	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Anh		KH	39	16	Đủ ĐK
1	5	21	CV0130	Trịnh Văn	Đại	13/6/1990	Nam	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Anh		KH	37	17	Đủ ĐK
1	5	22	CV0131	Lê Công	Diện	09/09/1993	Nam	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Anh		KH	26	Vắng	
1	5	23	CV0132	Nguyễn Huy	Hoàng	14/6/1994	Nam	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Anh		KH	34	24	Đủ ĐK
1	5	24	CV0133	Nguyễn Quang	Huy	18/6/1991	Nam	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Anh		KH	38	23	Đủ ĐK
1	5	25	CV0134	Nguyễn Thị Thùy	Linh	29/11/1996	Nữ	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Anh		KH	42	22	Đủ ĐK
1	6	1	CV0135	Dương Tiến	Lợi	07/9/1995	Nam	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Anh	CTB	KH	24	5	
1	6	2	CV0136	Nguyễn Xuân	Lợi	07/4/1989	Nam	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT			KH	33	Miễn	Đủ ĐK
1	6	3	CV0137	Đỗ Quốc	Thái	02/5/1990	Nam	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Anh		KH	23	12	
1	6	4	CV0138	Đỗ Minh	Tiến	24/12/1992	Nam	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Anh		KH	32	19	Đủ ĐK
1	6	5	CV0139	Đặng Ngọc	Anh	17/12/1997	Nữ	75	Phòng Quản lý Đầu tư, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Anh		KH	42	25	Đủ ĐK
1	6	6	CV0140	Nguyễn Thị	Huyền	20/9/1986	Nữ	75	Phòng Quản lý Đầu tư, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Anh		KH	32	7	
1	6	7	CV0141	Phạm Trung	Kiên	25/10/1999	Nam	75	Phòng Quản lý Đầu tư, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Anh		KH	32	18	Đủ ĐK

1	6	8	CV0142	Nguyễn Đình	Thành	02/10/1993	Nam	75	Phòng Quản lý Đầu tư, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Anh		KH	28	12	
1	6	9	CV0143	Nguyễn Thị	Uyên	25/02/1988	Nữ	75	Phòng Quản lý Đầu tư, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Anh		KH	43	16	Đủ ĐK
1	6	10	CV0144	Tô Văn	Đạt	25/02/1996	Nam	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Anh		KH	36	26	Đủ ĐK
1	6	11	CV0145	Bùi Anh	Đức	07/01/1992	Nam	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Anh		KH	40	24	Đủ ĐK
1	6	12	CV0146	Tạ Hoàng	Hải	06/7/1993	Nam	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Anh		KH	41	20	Đủ ĐK
1	6	13	CV0147	Đỗ Nguyễn Thuý	Hằng	02/4/1986	Nữ	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Anh		KH	42	21	Đủ ĐK
1	6	14	CV0148	Nguyễn Phi	Hùng	23/01/1996	Nam	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Anh		KH	49	23	Đủ ĐK
1	6	15	CV0149	Bùi Thanh	Hương	23/4/1995	Nữ	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Anh		KH	17	Vắng	
1	6	16	CV0150	Đào Quang	Minh	22/8/1997	Nam	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội			KH	38	Miễn	Đủ ĐK

1	6	17	CV0151	Nguyễn Trường	Sơn	07/11/2000	Nam	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Anh		KH	30	18	Đủ ĐK
1	6	18	CV0152	Vũ Thị Giang	Thùy	29/4/1988	Nữ	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Anh		KH	34	15	Đủ ĐK
1	6	19	CV0153	Đỗ Thị	Toán	25/11/1993	Nữ	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Anh		KH	Vắng	Vắng	
1	6	20	CV0154	Nguyễn Viết	Toàn	25/7/1992	Nam	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Anh		KH	27	16	
1	6	21	CV0155	Tạ Văn	Vĩnh	18/9/1986	Nam	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Anh		KH	Vắng	Vắng	
1	6	22	CV0156	Phạm Thu	Yến	09/5/1987	Nữ	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội			KH	35	Miễn	Đủ ĐK
1	6	23	CV0157	Nguyễn Thị Mai	An	30/8/1996	Nữ	112	Phòng LĐ TB&XH quận Hoàn Kiếm	Anh		LĐ	29	14	
1	6	24	CV0158	Đặng Thị	Linh	02/9/1987	Nữ	112	Phòng LĐ TB&XH quận Hoàn Kiếm	Anh		LĐ	28	11	
1	6	25	CV0159	Nguyễn Bảo	Linh	07/12/1994	Nữ	112	Phòng LĐ TB&XH quận Hoàn Kiếm	Anh		LĐ	36	23	Đủ ĐK
1	6	26	CV0160	Lê Thu	Trang	04/3/1996	Nữ	112	Phòng LĐ TB&XH quận Hoàn Kiếm	Anh		LĐ	29	7	
1	6	27	CV0161	Phùng Thị Huyền	Trang	11/3/1999	Nữ	112	Phòng LĐ TB&XH quận Hoàn Kiếm	Anh		LĐ	Vắng	Vắng	
1	6	28	CV0162	Nguyễn Thị	Hằng	18/3/1989	Nữ	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Anh		LĐ	23	9	
1	6	29	CV0163	Nguyễn Thu	Hằng	25/6/1984	Nữ	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Anh		LĐ	25	12	

1	6	30	CV0164	Lại Đức	Hiệp	11/7/1987	Nam	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng			LĐ	28	Miễn	
1	6	31	CV0165	Ngô Thị Ngọc	Hương	05/6/1986	Nữ	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Anh	CTB	LĐ	46	22	Đủ ĐK
1	6	32	CV0166	Trần Thị	Luyến	07/01/1990	Nữ	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Anh		LĐ	32	13	
1	6	33	CV0167	Vũ Thị	Sự	03/3/1985	Nữ	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Anh		LĐ	39	13	
1	6	34	CV0168	Nguyễn Thị	Thắm	21/5/1991	Nữ	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Anh		LĐ	Vắng	Vắng	
1	6	35	CV0169	Lê Thị Thùy	Thanh	12/10/1980	Nữ	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Anh		LĐ	43	20	Đủ ĐK
1	6	36	CV0170	Trần Thị Bạch	Yến	07/10/1984	Nữ	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Anh		LĐ	41	17	Đủ ĐK
1	6	37	CV0171	Lê Thu	Hà	13/12/2000	Nữ	135	Phòng LĐTB&XH huyện Đông Anh	Anh		LĐ	39	22	Đủ ĐK
1	6	38	CV0172	Nguyễn Thu	Trà	08/8/1998	Nữ	135	Phòng LĐTB&XH huyện Đông Anh	Anh		LĐ	44	24	Đủ ĐK
1	6	39	CV0173	Nguyễn Thị	Hà	22/01/1990	Nữ	142	Phòng LĐTB&XH huyện Gia Lâm	Anh		LĐ	Vắng	Vắng	
1	6	40	CV0174	Trần Thanh	Huyền	17/6/1995	Nữ	142	Phòng LĐTB&XH huyện Gia Lâm	Anh		LĐ	52	29	Đủ ĐK
1	7	1	CV0175	Triệu Thùy	Linh	05/01/1998	Nữ	142	Phòng LĐTB&XH huyện Gia Lâm	Anh	DTTS	LĐ	39	26	Đủ ĐK
1	7	2	CV0176	Tạ Thị Tú	Quỳnh	31/10/1999	Nữ	142	Phòng LĐTB&XH huyện Gia Lâm	Anh		LĐ	43	25	Đủ ĐK
1	7	3	CV0177	Nguyễn Huyền	Trang	29/9/1997	Nữ	142	Phòng LĐTB&XH huyện Gia Lâm	Anh		LĐ	Vắng	Vắng	
1	7	4	CV0178	Nguyễn Thu	Trang	21/01/1994	Nữ	142	Phòng LĐTB&XH huyện Gia Lâm	Anh		LĐ	30	15	Đủ ĐK
1	7	5	CV0179	Lý Minh	Tú	04/02/1992	Nam	142	Phòng LĐTB&XH huyện Gia Lâm	Anh		LĐ	36	23	Đủ ĐK
1	7	6	CV0180	Phí Thị Minh	Tiệp	20/6/1981	Nữ	145	Phòng LĐTB&XH huyện Hoài Đức	Anh		LĐ	36	21	Đủ ĐK

1	7	7	CV0181	Lương Xuân	Tình	12/10/1989	Nam	145	Phòng LĐTB&XH huyện Hoài Đức	Anh		LĐ	39	13	
1	7	8	CV0182	Nguyễn Văn	Được	17/6/1998	Nam	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Anh		LĐ	26	6	
1	7	9	CV0183	Trần Thị	Linh	26/11/1998	Nữ	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Anh		LĐ	31	16	Đủ ĐK
1	7	10	CV0184	Trần Thị Thùy	Linh	26/02/1999	Nữ	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Anh		LĐ	31	15	Đủ ĐK
1	7	11	CV0185	Nguyễn Thị	Loan	06/01/1995	Nữ	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Anh		LĐ	41	13	
1	7	12	CV0186	Hoàng Thị	Luyến	05/01/1995	Nữ	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Anh		LĐ	31	11	
1	7	13	CV0187	Đỗ Thị Kim	Ngân	14/8/2000	Nữ	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Anh		LĐ	31	12	
1	7	14	CV0188	Lê Thị Kim	Ngân	07/02/1994	Nữ	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Anh		LĐ	36	10	
1	7	15	CV0189	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/2/1997	Nữ	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Anh		LĐ	26	15	
1	7	16	CV0190	Nguyễn Thúy Hiền	Thơ	24/11/1997	Nữ	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Anh		LĐ	25	13	
1	7	17	CV0191	Đỗ Thị Hoài	Thu	18/9/1994	Nữ	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Anh		LĐ	34	11	
1	7	18	CV0192	Lê Thị Hoài	Thương	11/3/1998	Nữ	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Anh		LĐ	33	14	
1	7	19	CV0193	Nguyễn Thị	Thúy	12/6/1993	Nữ	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Anh		LĐ	Vắng	Vắng	
1	7	20	CV0194	Nguyễn Thu	Thủy	20/8/1999	Nữ	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Anh		LĐ	21	10	
1	7	21	CV0195	Vũ Hồng	Vân	03/6/1997	Nữ	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Anh		LĐ	30	13	
1	7	22	CV0196	Nguyễn Mạnh	Cường	10/4/1986	Nam	29	Phòng Lễ tân, Sở Ngoại vụ			NGV	22	Miễn	
1	7	23	CV0197	Đoàn Thị Thu	Hương	25/11/1994	Nữ	29	Phòng Lễ tân, Sở Ngoại vụ			NGV	29	Miễn	
1	7	24	CV0198	Hoàng Thị	Lương	28/01/2000	Nữ	29	Phòng Lễ tân, Sở Ngoại vụ	Anh		NGV	28	26	

1	7	25	CV0199	Cao Thị Ngọc	Phương	25/12/2000	Nữ	29	Phòng Lễ tân, Sở Ngoại vụ	Anh		NGV	34	25	Đủ ĐK
1	7	26	CV0200	Trần Trung	Thông	16/5/1986	Nam	29	Phòng Lễ tân, Sở Ngoại vụ	Anh	CTB	NGV	28	24	
1	7	27	CV0201	Bế Thanh	Xuân	05/7/2000	Nữ	29	Phòng Lễ tân, Sở Ngoại vụ	Anh	DTTS	NGV	Vắng	Vắng	
1	7	28	CV0202	Nguyễn Hải	Yến	21/3/2000	Nữ	29	Phòng Lễ tân, Sở Ngoại vụ			NGV	28	Miễn	
1	7	29	CV0203	Đoàn Thái	An	10/11/1998	Nam	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Anh		NGV	25	26	
1	7	30	CV0204	Ngô Thị Hải	Chiến	01/11/1990	Nữ	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Anh	CĐCĐ	NGV	42	16	Đủ ĐK
1	7	31	CV0205	Ngô Ngọc	Hà	06/3/2000	Nữ	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài			NGV	32	Miễn	Đủ ĐK
1	7	32	CV0206	Vũ Minh	Hằng	07/3/1998	Nữ	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài			NGV	40	Miễn	Đủ ĐK
1	7	33	CV0207	Hoàng Quang	Huy	10/10/1995	Nam	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài		DTTS	NGV	30	Miễn	Đủ ĐK
1	7	34	CV0208	Nguyễn Đăng	Huy	19/12/1999	Nam	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài			NGV	33	Miễn	Đủ ĐK
1	7	35	CV0209	Vũ Thùy	Linh	21/7/1998	Nữ	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Anh		NGV	41	17	Đủ ĐK
1	7	36	CV0210	Nguyễn Việt	Long	12/9/1999	Nam	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Anh		NGV	36	23	Đủ ĐK
1	7	37	CV0211	Đinh Hương	Ly	26/4/2000	Nữ	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Anh		NGV	34	28	Đủ ĐK
1	7	38	CV0212	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	01/11/2000	Nữ	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài			NGV	29	Miễn	
1	7	39	CV0213	Trần Đức	Quang	04/12/2000	Nam	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài			NGV	Vắng	Miễn	
1	7	40	CV0214	Nguyễn Nam	Thái	17/7/1995	Nam	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Anh		NGV	39	29	Đủ ĐK
2	1	1	CV0215	Nguyễn Trần Phương	Thảo	17/3/1994	Nữ	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài			NGV	30	Miễn	Đủ ĐK
2	1	2	CV0216	Phùng Thị Thanh	Thơ	14/6/1997	Nữ	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Anh		NGV	27	14	
2	1	3	CV0217	Lục Thị Vân	Thu	24/8/1994	Nữ	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài			NGV	36	Miễn	Đủ ĐK

2	1	4	CV0218	Nguyễn Thanh	Thư	20/11/1997	Nữ	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài			NGV	38	Miễn	Đủ ĐK
2	1	5	CV0219	Trần Thị	Thủy	29/11/2000	Nữ	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài			NGV	Vắng	Miễn	
2	1	6	CV0220	Đồng Phú	Trọng	20/10/2000	Nam	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Anh		NGV	36	24	Đủ ĐK
2	1	7	CV0221	Nguyễn Thành	Trung	17/06/1999	Nam	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Anh		NGV	33	26	Đủ ĐK
2	1	8	CV0222	Đàm Thị	Tâm	05/10/1991	Nữ	39	Phòng Quản lý phòng, chống thiên tai, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		NN1	39	12	
2	1	9	CV0223	Nguyễn Ngọc	Thuấn	30/12/1992	Nam	39	Phòng Quản lý phòng, chống thiên tai, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		NN1	46	24	Đủ ĐK
2	1	10	CV0224	Trần Thị Hoài	Thương	16/8/1997	Nữ	39	Phòng Quản lý phòng, chống thiên tai, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		NN1	28	Vắng	
2	1	11	CV0225	Lê Huyền	Trang	27/11/1999	Nữ	39	Phòng Quản lý phòng, chống thiên tai, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		NN1	31	15	Đủ ĐK
2	1	12	CV0226	Nguyễn Minh	Anh	30/12/1996	Nữ	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		NN1	28	Vắng	
2	1	13	CV0227	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	07/6/1994	Nữ	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		NN1	Vắng	Vắng	
2	1	14	CV0228	Nguyễn Hữu	Chung	22/6/1979	Nam	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		NN1	34	6	

2	**1**	15	**CV0229**	Phạm Tiến	Diện	01/02/1987	Nam	**40**	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh	CĐCĐ	**NN1**	39	18	Đủ ĐK
2	**1**	16	**CV0230**	Nguyễn Thị	Dung	25/2/1995	Nữ	**40**	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		**NN1**	30	19	Đủ ĐK
2	**1**	17	**CV0231**	Nguyễn Văn	Giang	17/01/1991	Nam	**40**	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		**NN1**	22	Vắng	
2	**1**	18	**CV0232**	Nguyễn Duy	Hậu	28/01/1984	Nam	**40**	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		**NN1**	37	15	Đủ ĐK
2	**1**	19	**CV0233**	Nguyễn Trung	Hiếu	20/10/1990	Nam	**40**	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		**NN1**	34	15	Đủ ĐK
2	**1**	20	**CV0234**	Hoàng	Hưng	28/9/1989	Nam	**40**	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh	HTNV	**NN1**	30	18	Đủ ĐK
2	**1**	21	**CV0235**	Vũ Thị	Hường	28/6/1990	Nữ	**40**	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		**NN1**	41	22	Đủ ĐK
2	**1**	22	**CV0236**	Bùi Viết	Huy	22/9/1995	Nam	**40**	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		**NN1**	23	13	
2	**1**	23	**CV0237**	Chu Trung	Kiên	30/11/1996	Nam	**40**	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		**NN1**	28	9	

2	1	24	CV0238	Lê Trung	Kiên	18/9/1997	Nam	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		NN1	40	19	Đủ ĐK
2	1	25	CV0239	Nguyễn Tùng	Lâm	10/9/1998	Nam	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		NN1	29	19	
2	1	26	CV0240	Khuất Thị	Ngân	27/7/1985	Nữ	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		NN1	40	15	Đủ ĐK
2	1	27	CV0241	Bùi Bích	Phượng	05/4/1997	Nữ	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		NN1	46	21	Đủ ĐK
2	1	28	CV0242	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	22/8/1998	Nữ	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		NN1	38	22	Đủ ĐK
2	1	29	CV0243	Nguyễn Thị	Thu	25/11/1999	Nữ	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		NN1	37	19	Đủ ĐK
2	1	30	CV0244	Đặng Nam	Tiến	11/7/1989	Nam	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		NN1	36	11	
2	1	31	CV0245	Phùng Sơn	Tùng	12/9/1996	Nam	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		NN1	38	17	Đủ ĐK
2	1	32	CV0246	Nguyễn Bá	Tước	13/9/1992	Nam	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh	DTTS	NN1	Vắng	Vắng	

2	**1**	33	**CV0247**	Nguyễn Thị	Tuyến	29/3/1995	Nữ	**40**	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.			**NN1**	30	Miễn	Đủ ĐK
2	**1**	34	**CV0248**	Lê Thị Thanh	Vân	11/12/1994	Nữ	**40**	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		**NN1**	40	17	Đủ ĐK
2	**2**	1	**CV0249**	Vũ Thị	Vui	06/4/1995	Nữ	**40**	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		**NN1**	Vắng	Vắng	
2	**2**	2	**CV0250**	Nguyễn Chí	Vượng	26/10/1992	Nam	**40**	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Anh		**NN1**	Vắng	Vắng	
2	**2**	3	**CV0251**	Khuất Trọng	Hiếu	10/4/1995	Nam	**117**	Phòng Kinh tế Thị xã Sơn Tây	Anh		**NN1**	41	19	Đủ ĐK
2	**2**	4	**CV0252**	Nguyễn Vũ	Long	31/8/1993	Nam	**117**	Phòng Kinh tế Thị xã Sơn Tây	Anh		**NN1**	30	19	Đủ ĐK
2	**2**	5	**CV0253**	Dương Trịnh Thu	Sơn	11/8/1983	Nam	**117**	Phòng Kinh tế Thị xã Sơn Tây	Anh		**NN1**	33	11	
2	**2**	6	**CV0254**	Trần Sĩ	Cương	18/01/1996	Nam	**136**	Phòng Kinh tế huyện Đông Anh	Anh		**NN2**	24	9	
2	**2**	7	**CV0255**	Đỗ Minh	Dương	04/09/1986	Nam	**136**	Phòng Kinh tế huyện Đông Anh	Anh		**NN2**	Vắng	Vắng	
2	**2**	8	**CV0256**	Nguyễn Hữu	Dương	12/03/1993	Nam	**136**	Phòng Kinh tế huyện Đông Anh	Anh		**NN2**	28	24	
2	**2**	9	**CV0257**	Đặng Thị	Hương	24/02/1997	Nữ	**136**	Phòng Kinh tế huyện Đông Anh	Anh		**NN2**	22	10	
2	**2**	10	**CV0258**	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	28/8/1998	Nữ	**178**	Phòng Kinh tế huyện Ứng Hòa	Anh		**NN2**	38	17	Đủ ĐK
2	**2**	11	**CV0259**	Nguyễn Thị Sao	Mai	21/11/1999	Nữ	**178**	Phòng Kinh tế huyện Ứng Hòa	Anh		**NN2**	33	10	
2	**2**	12	**CV0260**	Lý Đình	Mạnh	19/01/1996	Nam	**178**	Phòng Kinh tế huyện Ứng Hòa	Anh	HT lớp CHTQS	**NN2**	29	10	

2	2	13	CV0261	Mai Thanh	Thùy	22/5/1986	Nữ	178	Phòng Kinh tế huyện Ứng Hòa	Anh		NN2	48	17	Đủ ĐK
2	2	14	CV0262	Cao Thị Ánh	Tuyết	25/7/1994	Nữ	178	Phòng Kinh tế huyện Ứng Hòa	Anh		NN2	38	8	
2	2	15	CV0263	Bùi Nguyễn Ngọc	Dương	30/4/1999	Nam	49	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		NN3	23	18	
2	2	16	CV0264	Nguyễn Ngọc	Dương	06/8/1998	Nam	49	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		NN3	47	23	Đủ ĐK
2	2	17	CV0265	Đặng Hoàng	Lân	15/9/1994	Nam	49	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		NN3	24	15	
2	2	18	CV0266	Nguyễn Thị Kim	Oanh	20/3/1993	Nữ	49	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		NN3	Vắng	Vắng	
2	2	19	CV0267	Lê Tiền	Phong	28/7/1996	Nam	49	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		NN3	27	10	
2	2	20	CV0268	Trần Lê Huy	Quang	05/5/1997	Nam	49	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		NN3	30	18	Đủ ĐK
2	2	21	CV0269	Đỗ Đức	Thành	17/8/1994	Nam	49	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		NN3	27	13	
2	2	22	CV0270	Nguyễn Gia	Trường	01/12/1996	Nam	49	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		NN3	37	20	Đủ ĐK
2	2	23	CV0271	Chu Tất	Thành	16/8/1997	Nam	50	Phòng Quản lý giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		NN3	35	16	Đủ ĐK
2	2	24	CV0272	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	14/10/1995	Nữ	51	Phòng Quản lý giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		NN3	27	12	

2	2	25	CV0273	Lê Diệu	Linh	21/01/1996	Nữ	111	Phòng Kinh tế quận Hoàn Kiếm			NN3	45	Miễn	Đủ ĐK
2	3	1	CV0274	Hà	Phương	18/01/1984	Nam	111	Phòng Kinh tế quận Hoàn Kiếm	Anh		NN3	32	14	
2	3	2	CV0275	Nông Thị Hồng	Hạnh	06/02/1984	Nữ	5	Văn phòng Sở Du lịch	Anh	DTTS	NV1	32	6	
2	3	3	CV0276	Hà Khắc Bảo	Hưng	13/10/1997	Nam	5	Văn phòng Sở Du lịch	Anh		NV1	35	17	Đủ ĐK
2	3	4	CV0277	Hoàng Ngọc	Linh	29/8/2000	Nữ	5	Văn phòng Sở Du lịch	Anh		NV1	47	26	Đủ ĐK
2	3	5	CV0278	Nguyễn Thị	Duyên	19/10/1995	Nữ	6	Văn phòng Sở Du lịch			NV1	24	Miễn	
2	3	6	CV0279	Vũ Thị Thu	Hải	18/8/1993	Nữ	6	Văn phòng Sở Du lịch	Anh		NV1	40	14	
2	3	7	CV0280	Chu Thị Hồng	Hạnh	15/11/1997	Nữ	6	Văn phòng Sở Du lịch	Anh		NV1	34	16	Đủ ĐK
2	3	8	CV0281	Nguyễn Mạnh Tuấn	Hùng	13/12/1999	Nam	6	Văn phòng Sở Du lịch	Anh		NV1	41	21	Đủ ĐK
2	3	9	CV0282	Nguyễn Thị Như	Nguyệt	12/9/1999	Nữ	6	Văn phòng Sở Du lịch	Anh		NV1	34	6	
2	3	10	CV0283	Nguyễn Thị Hồng	Tâm	28/12/1993	Nữ	6	Văn phòng Sở Du lịch	Anh		NV1	Vắng	Vắng	
2	3	11	CV0284	Giàng A	Vàng	28/8/1998	Nam	6	Văn phòng Sở Du lịch	Anh	DTTS	NV1	Vắng	Vắng	
2	3	12	CV0285	Hoàng Duy	Vinh	14/4/1998	Nam	6	Văn phòng Sở Du lịch	Anh		NV1	22	6	
2	3	13	CV0286	Nguyễn Thị	Xuân	25/4/1994	Nữ	6	Văn phòng Sở Du lịch	Anh		NV1	30	19	Đủ ĐK
2	3	14	CV0287	Phan Long	Hợp	29/12/1987	Nam	9	Phòng Hành chính quản trị, Thanh tra sở GTVT	Anh	CBB	NV1	40	25	Đủ ĐK
2	3	15	CV0288	Nguyễn Cao	Kỳ	26/8/1989	Nam	9	Phòng Hành chính quản trị, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV1	37	12	
2	3	16	CV0289	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	14/6/1990	Nữ	9	Phòng Hành chính quản trị, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV1	Vắng	Vắng	
2	3	17	CV0290	Nguyễn Quốc	Việt	02/7/1991	Nam	9	Phòng Hành chính quản trị, Thanh tra sở GTVT	Anh	HTNV	NV1	45	23	Đủ ĐK
2	3	18	CV0291	Lê Thị	Hà	04/06/1996	Nữ	38	Phòng HC-TH, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT	Anh		NV1	20	10	
2	3	19	CV0292	Phan Xuân	Mạnh	05/4/1991	Nam	38	Phòng HC-TH, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT			NV1	37	Miễn	Đủ ĐK

2	3	20	CV0293	Nguyễn Hà	Phương	26/3/1998	Nữ	38	Phòng HC-TH, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT	Anh		NV1	33	20	Đủ ĐK
2	3	21	CV0294	Hạ Thúy	Quỳnh	12/6/1991	Nữ	38	Phòng HC-TH, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT	Anh		NV1	26	16	
2	3	22	CV0295	Nguyễn Tú	Uyên	02/5/2000	Nữ	38	Phòng HC-TH, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT	Anh		NV1	37	20	Đủ ĐK
2	3	23	CV0296	Mai thị Ngọc	Bích	18/9/1993	Nữ	42	Phòng Tổng hợp, Chi cục thủy sản, Sở NN&PTNT.	Anh		NV1	Vắng	Vắng	
2	3	24	CV0297	Đường Thị	Lý	10/6/1999	Nữ	42	Phòng Tổng hợp, Chi cục thủy sản, Sở NN&PTNT.	Anh	DTTS	NV1	Vắng	Vắng	
2	3	25	CV0298	Trần Thị	Thu	11/9/1989	Nữ	42	Phòng Tổng hợp, Chi cục thủy sản, Sở NN&PTNT.	Anh		NV1	46	18	Đủ ĐK
2	4	1	CV0299	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	24/10/1998	Nữ	42	Phòng Tổng hợp, Chi cục thủy sản, Sở NN&PTNT.	Anh		NV1	43	17	Đủ ĐK
2	4	2	CV0300	Nguyễn Thị Phương	Anh	20/05/1998	Nữ	44	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Anh		NV1	47	21	Đủ ĐK
2	4	3	CV0301	Đoàn Anh	Dũng	10/9/1997	Nam	44	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Anh		NV1	27	15	
2	4	4	CV0302	Nguyễn Hải	Hà	01/9/1995	Nữ	44	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Anh		NV1	28	12	
2	4	5	CV0303	Nguyễn Thanh	Hải	28/4/1980	Nam	44	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Anh		NV1	38	11	
2	4	6	CV0304	Lã Thu	Hằng	17/7/1995	Nữ	44	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Anh		NV1	38	17	Đủ ĐK
2	4	7	CV0305	Nguyễn Thị Bích	Loan	18/9/1998	Nữ	44	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Anh		NV1	43	15	Đủ ĐK

2	4	8	CV0306	Đinh Thị	Minh	28/9/1999	Nữ	44	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Anh		NV1	30	10	
2	4	9	CV0307	Nguyễn Khánh	Linh	23/4/1995	Nữ	55	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Anh		NV1	44	22	Đủ ĐK
2	4	10	CV0308	Lê Minh	Tuấn	14/5/1983	Nam	55	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Anh		NV1	39	25	Đủ ĐK
2	4	11	CV0309	Nhâm Mai	Anh	10/11/2000	Nữ	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Anh		NV1	32	26	Đủ ĐK
2	4	12	CV0310	Nguyễn Thị Thanh	Hải	12/6/1999	Nữ	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Anh		NV1	32	18	Đủ ĐK
2	4	13	CV0311	Nguyễn Thị	Hoa	29/7/1997	Nữ	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT			NV1	30	Miễn	Đủ ĐK
2	4	14	CV0312	Đào Duy	Khánh	15/10/1996	Nam	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Anh		NV1	Vắng	Vắng	
2	4	15	CV0313	Bùi Thị	Linh	02/01/1991	Nữ	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Anh		NV1	44	17	Đủ ĐK
2	4	16	CV0314	Nguyễn Khánh	Linh	09/5/1998	Nữ	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Anh		NV1	26	23	
2	4	17	CV0315	Trần Hương	Ly	19/9/1998	Nữ	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Anh		NV1	47	25	Đủ ĐK
2	4	18	CV0316	Đặng Bích	Ngọc	03/12/1982	Nữ	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Anh		NV1	33	13	
2	4	19	CV0317	Phùng Thị Minh	Phượng	01/9/1996	Nữ	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Anh	DTTS	NV1	48	12	
2	4	20	CV0318	Nguyễn Thị Phương	Thịnh	01/01/1995	Nữ	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Anh		NV1	37	11	
2	4	21	CV0319	Nguyễn Thị	Trang	03/9/1995	Nữ	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Anh		NV1	Vắng	Vắng	
2	4	22	CV0320	Đỗ Thị	Yến	17/10/1997	Nữ	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Anh		NV1	35	11	
2	4	23	CV0321	Lê Thị Thanh	Hà	21/8/2000	Nữ	81	Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị, VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP	Anh	CTB	NV1	24	18	
2	4	24	CV0322	Nguyễn Chiến	Thắng	02/10/1984	Nam	81	Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị, VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP	Anh		NV1	Vắng	Vắng	
2	4	25	CV0323	Lê Thị	Thúy	01/5/1979	Nữ	81	Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị, VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP			NV1	35	Miễn	Đủ ĐK
2	5	1	CV0324	Nguyễn Thị	Thuyên	14/9/1989	Nữ	81	Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị, VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP	Anh		NV1	44	12	

2	5	2	CV0325	Dương Nghiệp Hồng	Vũ	30/5/1999	Nam	81	Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị, VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP	Anh		NV1	28	5	
2	5	3	CV0326	Hoàng Lê	Chương	08/5/1996	Nam	82	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Anh		NV1	25	12	
2	5	4	CV0327	Nguyễn Thế	Hùng	07/02/1993	Nam	82	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Anh		NV1	47	23	Đủ ĐK
2	5	5	CV0328	Thành Nguyễn Thùy	Ny	01/02/1984	Nữ	82	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Anh		NV1	26	15	
2	5	6	CV0329	Cao Xuân	Quảng	08/5/1987	Nam	82	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Anh		NV1	45	23	Đủ ĐK
2	5	7	CV0330	Nguyễn Quang	Vũ	14/02/1995	Nam	82	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Anh		NV1	Vắng	Vắng	
2	5	8	CV0331	Trần Dương Ngọc	Giang	14/3/1999	Nam	83	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Anh		NV1	26	22	
2	5	9	CV0332	Nguyễn Minh	Huyền	18/8/1998	Nữ	83	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Anh		NV1	38	18	Đủ ĐK
2	5	10	CV0333	Đàm Nguyễn Yến	Linh	29/3/1998	Nữ	83	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Anh		NV1	34	17	Đủ ĐK
2	5	11	CV0334	Nguyễn Đức	Mạnh	28/9/1992	Nam	83	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Anh		NV1	38	16	Đủ ĐK
2	5	12	CV0335	Phạm Thành	Nam	11/5/1994	Nam	83	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Anh		NV1	50	16	Đủ ĐK
2	5	13	CV0336	Nguyễn Hải	Ninh	16/8/1993	Nam	83	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Anh		NV1	40	21	Đủ ĐK
2	5	14	CV0337	Nguyễn Thị Thu	Hằng	27/8/1998	Nữ	106	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh		NV1	33	22	Đủ ĐK
2	5	15	CV0338	Đào Vũ Quang	Huy	10/02/1999	Nam	106	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh		NV1	47	26	Đủ ĐK
2	5	16	CV0339	Nguyễn Hương	Lam	8/12/1997	Nữ	106	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh		NV1	48	24	Đủ ĐK
2	5	17	CV0340	Phạm Thị Hải	Ly	17/01/2000	Nữ	106	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh		NV1	43	15	Đủ ĐK
2	5	18	CV0341	Nguyễn Thảo	Quyên	19/8/2000	Nữ	106	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh		NV1	43	24	Đủ ĐK

2	5	19	CV0342	Phạm Thu	Thủy	02/6/1994	Nữ	106	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh		NV1	Vắng	Vắng	
2	5	20	CV0343	Đào Thị Thanh	Vân	23/10/1999	Nữ	106	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh		NV1	41	21	Đủ ĐK
2	5	21	CV0344	Khổng Trường Túc	Vinh	17/3/1999	Nam	106	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh		NV1	35	24	Đủ ĐK
2	5	22	CV0345	Nguyễn Thị	Duyên	28/10/1979	Nữ	124	VP HĐND và UBND huyện Đan Phượng	Anh	CTB	NV1	Vắng	Vắng	
2	5	23	CV0346	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	09/8/1990	Nữ	124	VP HĐND và UBND huyện Đan Phượng	Anh		NV1	47	22	Đủ ĐK
2	5	24	CV0347	Nguyễn Thùy	Linh	03/5/1998	Nữ	124	VP HĐND và UBND huyện Đan Phượng	Anh		NV1	31	21	Đủ ĐK
2	5	25	CV0348	Nguyễn Đình	Long	03/9/1999	Nam	124	VP HĐND và UBND huyện Đan Phượng	Anh		NV1	30	16	Đủ ĐK
2	6	1	CV0349	Nguyễn Hồng	Thư	24/4/1986	Nữ	124	VP HĐND và UBND huyện Đan Phượng	Anh		NV1	30	15	Đủ ĐK
2	6	2	CV0350	Hồ Thị Hoài	Thương	18/5/1999	Nữ	124	VP HĐND và UBND huyện Đan Phượng	Anh		NV1	39	24	Đủ ĐK
2	6	3	CV0351	Phùng Khắc	Tuấn	18/8/1990	Nam	124	VP HĐND và UBND huyện Đan Phượng	Anh		NV1	33	12	
2	6	4	CV0352	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	25/5/1993	Nữ	134	VP HĐND và UBND huyện Đông Anh	Anh		NV1	30	19	Đủ ĐK
2	6	5	CV0353	Nguyễn Trung	Đức	14/8/1994	Nam	134	VP HĐND và UBND huyện Đông Anh	Anh		NV1	48	22	Đủ ĐK
2	6	6	CV0354	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	20/02/2000	Nữ	134	VP HĐND và UBND huyện Đông Anh	Anh		NV1	46	14	
2	6	7	CV0355	Trần Thị Thanh	Ngân	10/4/1997	Nữ	134	VP HĐND và UBND huyện Đông Anh	Anh		NV1	25	4	
2	6	8	CV0356	Nguyễn Thị Kim	Oanh	09/11/1994	Nữ	134	VP HĐND và UBND huyện Đông Anh	Anh		NV1	Vắng	Vắng	
2	6	9	CV0357	Nghiêm Đức	Tá	05/02/1992	Nam	134	VP HĐND và UBND huyện Đông Anh	Anh		NV1	37	21	Đủ ĐK
2	6	10	CV0358	Ngô Thị Phương	Thảo	13/7/1998	Nữ	134	VP HĐND và UBND huyện Đông Anh	Anh		NV1	41	24	Đủ ĐK

2	6	11	CV0359	Ngô Minh	Thư	30/9/1997	Nữ	134	VP HĐND và UBND huyện Đông Anh	Anh		NV1	29	9	
2	6	12	CV0360	Hoàng Thị Thanh	Bình	23/8/1982	Nữ	154	VP HĐND và UBND huyện Phúc Thọ	Anh		NV1	27	12	
2	6	13	CV0361	Mạc Thu	Hà	17/8/1998	Nữ	154	VP HĐND và UBND huyện Phúc Thọ	Trung	DTTS	NV1	34	25	Đủ ĐK
2	6	14	CV0362	Cấn Thị Thu	Huyền	19/8/1998	Nữ	154	VP HĐND và UBND huyện Phúc Thọ	Anh		NV1	44	21	Đủ ĐK
2	6	15	CV0363	Phạm Nam	Phương	16/3/2000	Nữ	154	VP HĐND và UBND huyện Phúc Thọ	Anh		NV1	29	29	
2	6	16	CV0364	Đỗ Thị	Thức	14/01/1990	Nữ	154	VP HĐND và UBND huyện Phúc Thọ	Anh		NV1	36	14	
2	6	17	CV0365	Nguyễn Thị Thu	Hằng	01/02/1989	Nữ	27	Phòng Người có công, Sở LĐTB&XH	Anh		NV2	37	11	
2	6	18	CV0366	Nguyễn Thị	Thúy	03/01/1982	Nữ	27	Phòng Người có công, Sở LĐTB&XH		CTB	NV2	32	Miễn	Đủ ĐK
2	6	19	CV0367	Nguyễn Thuý	Hiền	02/02/1998	Nữ	34	Phòng Quản lý Văn thư - Lưu trữ, Chi cục VT-LT, Sở Nội vụ	Anh		NV2	22	14	
2	6	20	CV0368	Nguyễn Thị	Tâm	15/12/1984	Nữ	45	Phòng Hành chính tổ chức, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		NV2	36	14	
2	6	21	CV0369	Đinh Thị Thu	Trang	15/02/1996	Nữ	64	Văn phòng sở, Sở Xây dựng	Anh		NV2	30	13	
2	6	22	CV0370	Cao Thị	Thu	08/12/1991	Nữ	67	Văn phòng sở, Sở Y tế	Anh		NV2	42	16	Đủ ĐK
2	6	23	CV0371	Phan Kiều	Anh	03/8/1994	Nữ	153	VP HĐND và UBND huyện Phúc Thọ	Anh		NV2	31	16	Đủ ĐK
2	6	24	CV0372	Cấn Văn	Quyết	18/02/1998	Nam	173	Phòng Nội vụ huyện Thạch Thất	Anh		NV2	51	21	Đủ ĐK
2	6	25	CV0373	Đỗ Phương	Anh	17/7/1998	Nữ	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Pháp		NV3	24	19	
2	6	26	CV0374	Mai Thị Ngọc	Anh	27/12/1988	Nữ	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	44	19	Đủ ĐK

2	6	27	CV0375	Phùng Thị Lan	Anh	21/7/1993	Nữ	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	Vắng	Vắng	
2	6	28	CV0376	Nguyễn Thị Hồng	Biển	19/3/1992	Nữ	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh	DTTS	NV3	35	18	Đủ ĐK
2	6	29	CV0377	Hàn Ngọc	Diễm	05/6/1998	Nữ	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	39	13	
2	6	30	CV0378	Nguyễn Mạnh	Duy	20/3/1995	Nam	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	Vắng	Vắng	
2	6	31	CV0379	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	12/02/1994	Nữ	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	40	18	Đủ ĐK
2	6	32	CV0380	Huỳnh Văn	Hoàng	15/6/1995	Nam	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	45	16	Đủ ĐK
2	6	33	CV0381	Nguyễn Trí	Huy	26/8/1995	Nam	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	Vắng	Vắng	
2	6	34	CV0382	Lê Khánh	Huyền	20/4/1996	Nữ	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT			NV3	30	Miễn	Đủ ĐK
2	6	35	CV0383	Nguyễn Thanh	Huyền	22/12/1988	Nữ	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	Vắng	Vắng	
2	6	36	CV0384	Tạ Thị	Huyền	16/3/1989	Nữ	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	29	9	
2	6	37	CV0385	Triệu Thị	Linh	28/8/1994	Nữ	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh	DTTS	NV3	Vắng	Vắng	
2	6	38	CV0386	Trương Kiều	My	29/5/1993	Nữ	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	43	15	Đủ ĐK
2	6	39	CV0387	Dương Thị	Phương	27/3/1991	Nữ	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	36	14	
2	6	40	CV0388	Lê Tôn	Quý	21/11/1996	Nam	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	29	20	
2	7	1	CV0389	Nguyễn Thị	Quỳnh	18/01/1989	Nữ	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh	CĐCĐ	NV3	29	13	
2	7	2	CV0390	Phùng Thị Thu	Thảo	10/10/1997	Nữ	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	Vắng	Vắng	
2	7	3	CV0391	Nguyễn Đình	Trang	09/08/1992	Nam	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT			NV3	Vắng	Miễn	

2	7	4	CV0392	Phạm Minh	Trang	18/4/1997	Nữ	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	40	23	Đủ ĐK
2	7	5	CV0393	Nguyễn Chính	Tuấn	14/4/1996	Nam	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	31	7	
2	7	6	CV0394	Chu Thị	Vân	07/10/1988	Nữ	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	36	21	Đủ ĐK
2	7	7	CV0395	Nguyễn Tuấn	Việt	09/01/1998	Nam	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Anh		NV3	31	18	Đủ ĐK
2	7	8	CV0396	Vũ Thành	Dũng	04/04/1997	Nam	31	Phòng nghiệp vụ 1, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	44	22	Đủ ĐK
2	7	9	CV0397	Trịnh Đăng	Hiên	01/3/1979	Nam	31	Phòng nghiệp vụ 1, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	28	14	
2	7	10	CV0398	Lô Thanh	Hợi	08/7/1995	Nữ	31	Phòng nghiệp vụ 1, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh	DTTS	NV3	30	14	
2	7	11	CV0399	Đỗ Thị Phương	Linh	25/8/1999	Nữ	31	Phòng nghiệp vụ 1, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	47	25	Đủ ĐK
2	7	12	CV0400	Trần Thị Thanh	Ngân	30/8/1999	Nữ	31	Phòng nghiệp vụ 1, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	Vắng	Vắng	
2	7	13	CV0401	Nguyễn Minh	Ngọc	21/5/1998	Nữ	31	Phòng nghiệp vụ 1, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	27	Vắng	
2	7	14	CV0402	Dương Yến	Nguyệt	15/7/2000	Nữ	31	Phòng nghiệp vụ 1, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh	DTTS	NV3	38	22	Đủ ĐK
2	7	15	CV0403	Lê Đức	Anh	19/01/1996	Nam	32	Phòng nghiệp vụ 2, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ		DTTS	NV3	40	Miễn	Đủ ĐK
2	7	16	CV0404	Phạm Thị	Hằng	14/02/1995	Nữ	32	Phòng nghiệp vụ 2, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	35	14	
2	7	17	CV0405	Trần Huy	Khánh	10/10/1997	Nam	32	Phòng nghiệp vụ 2, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	33	25	Đủ ĐK
2	7	18	CV0406	Lê Thị	Nga	20/02/1990	Nữ	32	Phòng nghiệp vụ 2, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	28	7	
2	7	19	CV0407	Nguyễn Văn	Phương	21/10/1982	Nam	32	Phòng nghiệp vụ 2, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	38	19	Đủ ĐK
2	7	20	CV0408	Nguyễn Thị	Trang	15/05/1990	Nữ	32	Phòng nghiệp vụ 2, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	35	16	Đủ ĐK
2	7	21	CV0409	Nguyễn Tiến	Tuấn	31/10/1993	Nam	32	Phòng nghiệp vụ 2, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	30	17	Đủ ĐK

2	7	22	CV0410	Hoàng Minh	Anh	09/3/1998	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	55	29	Đủ ĐK
2	7	23	CV0411	Đàm Văn	Cần	29/7/1999	Nam	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	28	Vắng	
2	7	24	CV0412	Đỗ Thị	Cần	29/3/1990	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	32	16	Đủ ĐK
2	7	25	CV0413	Phạm Vương Thu	Dạ	23/9/1992	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	35	21	Đủ ĐK
2	7	26	CV0414	Nguyễn Minh	Diệp	25/3/1998	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	39	17	Đủ ĐK
2	7	27	CV0415	Nguyễn Thị Lan	Dung	20/3/1985	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	43	20	Đủ ĐK
2	7	28	CV0416	Nguyễn Thị Thùy	Dung	19/12/1991	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	33	7	
2	7	29	CV0417	Nguyễn Quang	Duy	22/10/1997	Nam	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	29	17	
2	7	30	CV0418	Đinh Đắc Huy	Hoàng	18/6/1999	Nam	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	41	27	Đủ ĐK
2	7	31	CV0419	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	23/7/1998	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	Vắng	Vắng	
2	7	32	CV0420	Lê Duy	Khánh	22/8/1996	Nam	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	39	19	Đủ ĐK
2	7	33	CV0421	Nguyễn Thị	Khuyên	05/01/1993	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	30	12	
2	7	34	CV0422	Nguyễn Văn	Kính	31/8/1988	Nam	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ			NV3	36	Miễn	Đủ ĐK
2	7	35	CV0423	Ngô Tùng	Lâm	01/02/1997	Nam	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	29	15	
2	7	36	CV0424	Ngân Thị Hương	Ly	08/8/1998	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Trung	DTTS	NV3	Vắng	Vắng	
2	7	37	CV0425	Nông Thị Mai	Ly	27/8/2000	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh	DTTS	NV3	32	15	Đủ ĐK
2	7	38	CV0426	Ngô Văn	Minh	26/8/1999	Nam	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	37	17	Đủ ĐK
2	7	39	CV0427	Nguyễn Thị Vân	Nam	05/02/1984	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	Vắng	Vắng	
2	7	40	CV0428	Vũ Thành	Phong	19/11/1994	Nam	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh	CLS	NV3	46	18	Đủ ĐK

3	1	1	CV0429	Bùi Thị Minh	Phượng	27/11/1996	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	36	22	Đủ ĐK
3	1	2	CV0430	Trịnh Minh	Quang	11/10/1999	Nam	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	41	14	
3	1	3	CV0431	Nguyễn Như	Sơn	24/3/1995	Nam	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ			NV3	48	Miễn	Đủ ĐK
3	1	4	CV0432	Trần Trung Hòa	Sơn	07/3/2000	Nam	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	50	23	Đủ ĐK
3	1	5	CV0433	Phùng Thị Thanh	Trà	10/11/1990	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	43	19	Đủ ĐK
3	1	6	CV0434	Lê Huyền	Trang	22/12/2000	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	34	15	Đủ ĐK
3	1	7	CV0435	Trần Thị Thu	Trang	26/3/1985	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	30	16	Đủ ĐK
3	1	8	CV0436	Trần Thị	Trinh	10/01/1998	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	38	22	Đủ ĐK
3	1	9	CV0437	Hà Nam	Trung	21/7/1974	Nam	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh	DTTS	NV3	39	12	
3	1	10	CV0438	Nguyễn Thị	Tuyến	20/6/1983	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh	CTB	NV3	31	11	
3	1	11	CV0439	Nguyễn Khánh	Việt	28/5/1992	Nam	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	37	14	
3	1	12	CV0440	Lê Thị	Xuân	03/02/1999	Nữ	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Anh		NV3	34	17	Đủ ĐK
3	1	13	CV0441	Phùng Thị Thiên	Định	05/02/1998	Nữ	43	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Anh		NV3	36	17	Đủ ĐK
3	1	14	CV0442	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	05/3/1998	Nữ	43	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Anh		NV3	32	13	
3	1	15	CV0443	Tạ Thị Hoài	Linh	15/10/1997	Nữ	43	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Anh		NV3	43	7	
3	1	16	CV0444	Đỗ Thị	Nga	30/11/1996	Nữ	43	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Anh		NV3	25	12	

3	1	17	CV0445	Nông Thị	Nhã	19/02/1997	Nữ	43	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Anh	DTTS	NV3	37	17	Đủ ĐK
3	1	18	CV0446	Nguyễn Thị	Phương	23/6/1999	Nữ	43	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Anh		NV3	28	9	
3	1	19	CV0447	Nguyễn Thanh	Tâm	20/11/1996	Nữ	43	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Anh		NV3	34	18	Đủ ĐK
3	1	20	CV0448	Đỗ Thị	Đức	13/02/1979	Nữ	47	Phòng Hành chính tổ chức, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		NV3	49	25	Đủ ĐK
3	1	21	CV0449	Nguyễn Thiên	Tùng	19/7/1990	Nam	47	Phòng Hành chính tổ chức, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		NV3	38	19	Đủ ĐK
3	1	22	CV0450	Nguyễn Thị Lan	Anh	07/01/1992	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	37	15	Đủ ĐK
3	1	23	CV0451	Lê Đức	Bình	30/01/1998	Nam	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	35	26	Đủ ĐK
3	1	24	CV0452	Phạm Mạnh	Cương	21/8/1988	Nam	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh	CTB	NV3	47	23	Đủ ĐK
3	1	25	CV0453	Đoàn Minh	Dương	15/01/1991	Nam	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	43	16	Đủ ĐK
3	1	26	CV0454	Nguyễn Văn	Dương	27/3/1994	Nam	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	29	7	
3	1	27	CV0455	Dương Thị Việt	Hà	04/12/2000	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	54	26	Đủ ĐK
3	1	28	CV0456	Bùi Thị	Hảo	24/5/1996	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	Vắng	Vắng	
3	1	29	CV0457	Đỗ Tiến	Hiệp	18/4/1998	Nam	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	36	12	
3	1	30	CV0458	Nguyễn Thu	Hương	10/12/1997	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	26	8	
3	1	31	CV0459	Lưu Thúy	Hường	10/5/1996	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	30	18	Đủ ĐK
3	1	32	CV0460	Vũ Thị Minh	Hường	19/10/1998	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	30	15	Đủ ĐK

3	1	33	CV0461	Nguyễn Thị	Liên	25/02/1998	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh	DTTS	NV3	30	13	
3	1	34	CV0462	Phạm Thị Hồng	Liên	27/4/2000	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	Vắng	Vắng	
3	2	1	CV0463	Nguyễn Nhật	Linh	12/6/1997	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	48	22	Đủ ĐK
3	2	2	CV0464	Nguyễn Thị	Lợi	10/5/1994	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	39	9	
3	2	3	CV0465	Đỗ Trà	My	11/7/1998	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	32	14	
3	2	4	CV0466	Đỗ Thị Kim	Ngân	29/9/1997	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	31	14	
3	2	5	CV0467	Đỗ Tuyết	Ngân	08/10/1995	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	Vắng	Vắng	
3	2	6	CV0468	Lưu Thúy	Ngọc	07/8/1994	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh	DTTS	NV3	38	13	
3	2	7	CV0469	Phí Thảo	Nhung	25/3/1999	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	31	14	
3	2	8	CV0470	Hà Văn	Thanh	07/01/1999	Nam	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh	DTTS	NV3	29	11	
3	2	9	CV0471	Nguyễn Hoài	Thanh	11/3/1995	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	45	19	Đủ ĐK
3	2	10	CV0472	Nguyễn Thị Hồng	Thu	02/01/1997	Nữ	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	32	27	Đủ ĐK
3	2	11	CV0473	Lường Văn	Thưởng	02/5/1990	Nam	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh	DTTS	NV3	Vắng	Vắng	
3	2	12	CV0474	Cấn Thanh	Tùng	24/5/1999	Nam	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Anh		NV3	34	19	Đủ ĐK
3	2	13	CV0475	Nguyễn Phương	Thảo	08/9/1999	Nữ	70	Phòng Tổ chức - Hành chính, CC DSKHHGĐ, Sở Y tế.	Anh		NV3	46	25	Đủ ĐK
3	2	14	CV0476	Nguyễn Tô Thùy	Dương	30/4/2000	Nữ	155	Phòng Nội vụ huyện Phúc Thọ	Anh		NV3	32	11	
3	2	15	CV0477	Nguyễn Văn	Hoan	03/01/2000	Nam	155	Phòng Nội vụ huyện Phúc Thọ	Anh		NV3	33	10	

3	2	16	CV0478	Nguyễn Thị	Nhàn	22/5/1997	Nữ	155	Phòng Nội vụ huyện Phúc Thọ	Anh		NV3	43	16	Đủ ĐK
3	2	17	CV0479	Vương Thị	Nụ	07/02/1997	Nữ	155	Phòng Nội vụ huyện Phúc Thọ	Anh		NV3	Vắng	Vắng	
3	2	18	CV0480	Trần Kim	Dung	11/9/1996	Nữ	53	Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất, Sở TN&MT	Anh		QH	23	14	
3	2	19	CV0481	Lê Thị	Huyền	23/6/1996	Nữ	53	Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất, Sở TN&MT	Anh		QH	36	13	
3	2	20	CV0482	Nguyễn Bảo	Khánh	08/03/1991	Nam	53	Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất, Sở TN&MT	Anh		QH	32	19	Đủ ĐK
3	2	21	CV0483	Nguyễn Trọng	Minh	04/01/1995	Nam	53	Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất, Sở TN&MT	Anh		QH	40	19	Đủ ĐK
3	2	22	CV0484	Kiều Thị Hồng	Ngọc	28/3/1993	Nữ	53	Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất, Sở TN&MT	Anh		QH	37	16	Đủ ĐK
3	2	23	CV0485	Nguyễn Hồng	Quân	11/9/1985	Nam	53	Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất, Sở TN&MT	Anh		QH	44	22	Đủ ĐK
3	2	24	CV0486	Đinh Thị	Thanh	20/6/1994	Nữ	53	Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất, Sở TN&MT	Anh		QH	33	20	Đủ ĐK
3	2	25	CV0487	Lê Nhật	Anh	08/02/1986	Nam	109	Phòng Quản lý đô thị quận Hoàn Kiếm	Anh		QH	31	13	
3	3	1	CV0488	Nguyễn Tất	Đạt	04/10/1994	Nam	109	Phòng Quản lý đô thị quận Hoàn Kiếm	Anh		QH	38	25	Đủ ĐK
3	3	2	CV0489	Phạm Tuấn	Phương	22/02/1983	Nam	109	Phòng Quản lý đô thị quận Hoàn Kiếm	Anh		QH	Vắng	Vắng	
3	3	3	CV0490	Trịnh Việt	Hùng	31/12/1988	Nam	170	Phòng Quản lý đô thị huyện Sóc Sơn	Anh		QH	47	25	Đủ ĐK
3	3	4	CV0491	Lê Trọng	Nguyên	08/8/1991	Nam	170	Phòng Quản lý đô thị huyện Sóc Sơn	Anh		QH	45	18	Đủ ĐK

3	3	5	CV0492	Lưu Tuấn	Thành	28/8/1995	Nam	170	Phòng Quản lý đô thị huyện Sóc Sơn	Anh		QH	Vắng	Vắng	
3	3	6	CV0493	Nguyễn Quang	Tùng	23/5/1991	Nam	170	Phòng Quản lý đô thị huyện Sóc Sơn	Anh		QH	34	14	
3	3	7	CV0494	Lâm Thị Kim	Anh	06/02/1990	Nữ	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TC1	Vắng	Vắng	
3	3	8	CV0495	Phùng Thu	Giang	28/12/1999	Nữ	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TC1	41	24	Đủ ĐK
3	3	9	CV0496	Dương thị Mai	Hoa	13/7/1989	Nữ	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TC1	20	Vắng	
3	3	10	CV0497	Đỗ Bảo	Khánh	25/4/1993	Nữ	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TC1	33	23	Đủ ĐK
3	3	11	CV0498	Nguyễn Thị Mai	Lan	03/11/1984	Nữ	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TC1	30	12	
3	3	12	CV0499	Phạm Trà	My	25/9/1994	Nữ	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TC1	Vắng	Vắng	
3	3	13	CV0500	Trương Thị	Nhận	25/5/1985	Nữ	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh	CTB	TC1	24	8	
3	3	14	CV0501	Hoàng Thị	Nội	21/01/1980	Nữ	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TC1	35	20	Đủ ĐK
3	3	15	CV0502	Trịnh Hoài	Phương	22/7/1996	Nữ	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TC1	34	18	Đủ ĐK
3	3	16	CV0503	Lý Anh	Quân	08/8/1995	Nam	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TC1	28	Vắng	

3	3	17	CV0504	Bùi Như	Quỳnh	06/5/2000	Nữ	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TC1	23	Vắng	
3	3	18	CV0505	Nguyễn Hoàng Thanh	Tâm	15/10/1992	Nữ	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TC1	28	18	
3	3	19	CV0506	Nguyễn Thị Thu	Thảo	21/11/1988	Nữ	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TC1	33	9	
3	3	20	CV0507	Dương Thị	Thơm	10/11/1996	Nữ	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TC1	27	Vắng	
3	3	21	CV0508	Nguyễn Thị	Xuân	10/5/1983	Nữ	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TC1	48	21	Đủ ĐK
3	3	22	CV0509	Đỗ Thị	Yến	04/5/1991	Nữ	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TC1	Vắng	Vắng	
3	3	23	CV0510	Dương Thị Phương	Anh	07/01/1992	Nữ	143	VP HĐND và UBND huyện Hoài Đức	Anh		TC1	26	15	
3	3	24	CV0511	Lại Thị	Hiền	31/10/1983	Nữ	143	VP HĐND và UBND huyện Hoài Đức	Anh	CTB	TC1	26	Vắng	
3	3	25	CV0512	Bùi Mai	Hồng	12/8/2000	Nữ	143	VP HĐND và UBND huyện Hoài Đức	Anh		TC1	32	25	Đủ ĐK
3	4	1	CV0513	Đỗ Thị	Huyền	06/07/1988	Nữ	143	VP HĐND và UBND huyện Hoài Đức	Anh		TC1	37	20	Đủ ĐK
3	4	2	CV0514	Chu Thị Hoa	Mai	14/11/1984	Nữ	143	VP HĐND và UBND huyện Hoài Đức	Anh		TC1	31	16	Đủ ĐK
3	4	3	CV0515	Vũ Thị	Nhung	28/4/1985	Nữ	143	VP HĐND và UBND huyện Hoài Đức	Anh	CTB	TC1	38	24	Đủ ĐK
3	4	4	CV0516	Nguyễn Thị	Thu	02/6/1986	Nữ	143	VP HĐND và UBND huyện Hoài Đức	Anh		TC1	41	21	Đủ ĐK
3	4	5	CV0517	Phạm Thị	Xuân	26/01/1987	Nữ	143	VP HĐND và UBND huyện Hoài Đức	Anh		TC1	27	6	

	4	6	CV0518	Đỗ Quỳnh	Anh	4/7/1999	Nữ	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TC2	41	22	Đủ ĐK
3	4	7	CV0519	Đoàn Việt	Anh	12/12/1995	Nam	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TC2	29	Vắng	
3	4	8	CV0520	Nguyễn Thị Phương	Anh	02/01/2000	Nữ	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TC2	Vắng	Vắng	
3	4	9	CV0521	Phạm Văn	Diện	09/8/1994	Nam	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TC2	30	11	
3	4	10	CV0522	Nguyễn Công	Hùng	21/11/1988	Nam	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TC2	29	13	
3	4	11	CV0523	Trần Thái	Linh	13/3/1987	Nữ	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TC2	41	18	Đủ ĐK
3	4	12	CV0524	Nguyễn Quang	Lộc	21/9/1995	Nam	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TC2	44	23	Đủ ĐK
3	4	13	CV0525	Lương Tiên	Luận	03/11/1999	Nam	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TC2	Vắng	Vắng	
3	4	14	CV0526	Phạm Hoàng	Nam	25/9/1994	Nam	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TC2	25	19	
3	4	15	CV0527	Bùi Thị	Ngân	17/6/1989	Nữ	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TC2	23	9	
3	4	16	CV0528	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	19/12/1998	Nam	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TC2	32	16	Đủ ĐK
3	4	17	CV0529	Trần Vĩnh	Sơn	10/02/1995	Nam	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TC2	45	21	Đủ ĐK
3	4	18	CV0530	Ngô Ngọc	Thắng	30/8/1999	Nam	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TC2	23	11	

3	4	19	CV0531	Uông Thanh	Tùng	23/02/1995	Nam	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TC2	39	20	Đủ ĐK
3	4	20	CV0532	Nguyễn Thị Lan	Anh	29/9/1990	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	42	22	Đủ ĐK
3	4	21	CV0533	Cao Thùy	Dung	01/8/1985	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	38	18	Đủ ĐK
3	4	22	CV0534	Công Thị Thu	Hằng	17/7/1985	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	29	10	
3	4	23	CV0535	Hồ Thị	Hằng	02/6/1991	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	Vắng	Vắng	
3	4	24	CV0536	Nguyễn Hồng	Hạnh	11/7/1987	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	25	9	
3	4	25	CV0537	Tự Thị	Hoa	13/01/1991	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	39	13	
3	5	1	CV0538	Nguyễn Thị	Hồng	27/01/1998	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	26	10	
3	5	2	CV0539	Nguyễn Thị	Huyền	12/9/1991	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	34	20	Đủ ĐK
3	5	3	CV0540	Tạ Thị Vân	Khánh	02/9/1999	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	26	20	
3	5	4	CV0541	Tạ Văn	Lâm	25/5/1994	Nam	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	29	14	
3	5	5	CV0542	Bùi Huyền	Linh	07/6/1987	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	32	19	Đủ ĐK
3	5	6	CV0543	Nguyễn Thị Phương	Loan	21/10/1988	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	Vắng	Vắng	
3	5	7	CV0544	Nguyễn Thị	Lương	26/02/1997	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	29	23	
3	5	8	CV0545	Đỗ Ngọc	Ngân	03/9/1991	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	Vắng	Vắng	
3	5	9	CV0546	Đức Minh	Ngọc	30/11/1989	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	44	24	Đủ ĐK
3	5	10	CV0547	Đỗ Thị Hà	Nhung	22/3/1984	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	32	10	
3	5	11	CV0548	Hoàng Thu	Thủy	09/07/1983	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	Vắng	Vắng	
3	5	12	CV0549	Phạm Thị	Xiêm	20/8/1994	Nữ	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		TC2	Vắng	Vắng	

3	5	13	CV0550	Bùi Vân	Anh	16/10/1999	Nữ	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Anh		TC2	22	19	
3	5	14	CV0551	Hoàng Thị Tuyết	Ánh	24/4/1989	Nữ	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Anh		TC2	26	9	
3	5	15	CV0552	Phạm Văn	Cảnh	24/9/1989	Nam	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Anh		TC2	40	25	Đủ ĐK
3	5	16	CV0553	Vũ Huy	Cường	23/10/1987	Nam	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Anh		TC2	32	14	
3	5	17	CV0554	Đặng Quang	Đơn	01/02/1995	Nam	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Anh		TC2	37	23	Đủ ĐK
3	5	18	CV0555	Nguyễn Thị	Hạnh	23/11/1990	Nữ	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Anh		TC2	36	21	Đủ ĐK
3	5	19	CV0556	Phan Thị Mỹ	Hạnh	27/11/1986	Nữ	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên			TC2	34	Miễn	Đủ ĐK
3	5	20	CV0557	Đỗ Thị Thu	Hiền	04/5/1990	Nữ	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Anh		TC2	Vắng	Vắng	
3	5	21	CV0558	Phạm Thị Minh	Hồng	01/10/1998	Nữ	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Anh		TC2	46	27	Đủ ĐK
3	5	22	CV0559	Trần Ngọc	Long	12/01/1999	Nam	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Anh		TC2	23	10	
3	5	23	CV0560	Nguyễn Ngọc Hương	Ly	22/11/2000	Nữ	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Anh		TC2	33	26	Đủ ĐK
3	5	24	CV0561	Đặng Thị	Oanh	04/11/1989	Nữ	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Anh		TC2	40	9	
3	5	25	CV0562	Nguyễn Thái	Sơn	15/12/1998	Nam	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Anh		TC2	48	24	Đủ ĐK
3	6	1	CV0563	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	17/9/1992	Nữ	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Anh		TC2	36	19	Đủ ĐK
3	6	2	CV0564	Nguyễn Thị Kiều	Trang	09/9/1997	Nữ	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Anh		TC2	33	21	Đủ ĐK
3	6	3	CV0565	Trịnh Thu	Trang	18/12/1993	Nữ	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Anh		TC2	Vắng	Vắng	
3	6	4	CV0566	Thái Thị	Vân	7/12/1994	Nữ	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Anh		TC2	33	20	Đủ ĐK
3	6	5	CV0567	Khuất Thị Kim	Anh	11/6/1984	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	25	Vắng	

3	6	6	CV0568	Lê Văn	Bằng	18/02/1992	Nam	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	34	17	Đủ ĐK
3	6	7	CV0569	Nguyễn Thiện Minh	Đức	26/7/1992	Nam	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	40	18	Đủ ĐK
3	6	8	CV0570	Nguyễn Thị Thanh	Dung	10/09/1996	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	27	14	
3	6	9	CV0571	Tô Thị Ngọc	Hà	09/12/1993	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	30	13	
3	6	10	CV0572	Nguyễn Quốc	Hải	03/12/1989	Nam	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	31	28	Đủ ĐK
3	6	11	CV0573	Quách Thị Thu	Hằng	17/7/1994	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	Vắng	Vắng	
3	6	12	CV0574	Khuất Thị	Hồng	25/02/1993	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ			TC2	42	Miễn	Đủ ĐK
3	6	13	CV0575	Phạm Thị Thu	Hường	22/01/1996	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	37	12	
3	6	14	CV0576	Nguyễn Thị Thu	Huyền	06/11/1990	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	43	22	Đủ ĐK
3	6	15	CV0577	Bùi Minh	Khánh	19/10/1995	Nam	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	Vắng	Vắng	
3	6	16	CV0578	Vũ Thị Kiều	Loan	06/9/1997	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	31	14	
3	6	17	CV0579	Vương Văn	Lượng	01/8/1989	Nam	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ			TC2	39	Miễn	Đủ ĐK
3	6	18	CV0580	Vũ Thùy	Mai	07/12/1992	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	30	23	Đủ ĐK
3	6	19	CV0581	Cấn Thị Kim	Ngân	08/7/1998	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	21	18	
3	6	20	CV0582	Đỗ Thị Kim	Ngân	01/6/1997	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	49	18	Đủ ĐK
3	6	21	CV0583	Phạm Thị Trang	Nhung	10/3/1987	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	38	23	Đủ ĐK
3	6	22	CV0584	Đỗ Thị	Thảo	02/9/1989	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	35	9	

3	6	23	CV0585	Bùi Thị Phương	Thu	13/10/1997	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	Vắng	Vắng	
3	6	24	CV0586	Lê Xuân	Thu	15/02/1996	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	Vắng	Vắng	
3	6	25	CV0587	Nguyễn Thị	Thu	05/9/1993	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	Vắng	Vắng	
3	6	26	CV0588	Kiều Thị Cẩm	Vân	22/9/1985	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	29	12	
3	6	27	CV0589	Đinh Thị	Yến	01/10/1991	Nữ	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Anh		TC2	28	11	
3	6	28	CV0590	Bùi Phương	Anh	14/12/1999	Nữ	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Anh		TN	35	30	Đủ ĐK
3	6	29	CV0591	Nguyễn Văn	Hiếu	08/10/1998	Nam	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Anh		TN	33	16	Đủ ĐK
3	6	30	CV0592	Trần Ngọc Lan	Hương	20/8/1987	Nữ	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Anh		TN	27	12	
3	6	31	CV0593	Vũ Thị	Hương	26/02/1995	Nữ	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Anh		TN	28	13	
3	6	32	CV0594	Nguyễn Thị	Huyền	27/12/1994	Nữ	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Anh		TN	35	22	Đủ ĐK
3	6	33	CV0595	Nguyễn Trung	Kiên	16/12/1994	Nam	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Anh		TN	35	8	
3	6	34	CV0596	Nguyễn Diệu	Linh	4/02/1998	Nữ	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Anh		TN	35	14	
3	6	35	CV0597	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	26/11/1997	Nữ	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Anh		TN	34	14	
3	6	36	CV0598	Quản Thị Ngọc	Linh	22/10/1997	Nữ	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Anh		TN	33	22	Đủ ĐK

3	6	37	CV0599	Phạm Quang	Long	20/9/1991	Nam	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Anh		TN	43	23	Đủ ĐK
3	6	38	CV0600	Nguyễn Minh	Ngọc	23/9/1992	Nam	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Anh		TN	44	18	Đủ ĐK
3	6	39	CV0601	Phạm Thị Thu	Thảo	07/01/1994	Nữ	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Anh		TN	36	18	Đủ ĐK
3	6	40	CV0602	Lê Anh	Thơ	31/3/1998	Nữ	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Anh		TN	24	18	
3	7	1	CV0603	Nguyễn Thu	Trang	11/7/1999	Nữ	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Anh		TN	36	19	Đủ ĐK
3	7	2	CV0604	Nguyễn Văn	Tuấn	13/5/1996	Nam	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Anh		TN	27	20	
3	7	3	CV0605	Phạm Quốc	Tuấn	10/12/1992	Nam	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Anh		TN	Vắng	Vắng	
3	7	4	CV0606	Lương Thị Thùy	Dương	06/6/1996	Nữ	84	Phòng TN&MT quận Ba Đình	Anh		TN	33	23	Đủ ĐK
3	7	5	CV0607	Vũ Minh	Lý	11/8/1993	Nam	84	Phòng TN&MT quận Ba Đình	Anh		TN	31	13	
3	7	6	CV0608	Phạm Vũ	Tiến	07/10/1994	Nam	84	Phòng TN&MT quận Ba Đình	Anh		TN	39	21	Đủ ĐK
3	7	7	CV0609	Đặng Trần	Dũng	19/11/1994	Nam	102	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	33	9	
3	7	8	CV0610	Nguyễn Thị Lan	Hương	17/6/1989	Nữ	102	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	30	11	
3	7	9	CV0611	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	05/8/1990	Nữ	102	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	44	21	Đủ ĐK
3	7	10	CV0612	Đỗ Việt	Thành	26/5/1995	Nam	102	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	42	26	Đủ ĐK
3	7	11	CV0613	Hà Văn	Thới	18/3/1980	Nam	102	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh	CTB	TN	43	15	Đủ ĐK

3	7	12	CV0614	Nguyễn Thị	Trang	27/8/1989	Nữ	102	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	27	7	
3	7	13	CV0615	Nguyễn Mạnh	Tùng	18/12/1993	Nam	102	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	35	Miễn	Đủ ĐK
3	7	14	CV0616	Nguyễn Quyền	Anh	24/8/1999	Nam	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	38	18	Đủ ĐK
3	7	15	CV0617	Phạm Tuấn	Cường	05/6/1990	Nam	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	34	11	
3	7	16	CV0618	Lê Thị	Dung	23/8/1995	Nữ	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	26	15	
3	7	17	CV0619	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/10/1997	Nữ	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	Vắng	Vắng	
3	7	18	CV0620	Vương Đức	Mạnh	22/8/1996	Nam	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	48	24	Đủ ĐK
3	7	19	CV0621	Dương Trà	My	18/9/1998	Nữ	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	33	18	Đủ ĐK
3	7	20	CV0622	Nguyễn Hồng	Nhung	21/11/1992	Nữ	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	26	12	
3	7	21	CV0623	Cao Như	Quỳnh	02/7/1995	Nữ	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	Vắng	Vắng	
3	7	22	CV0624	Trần Thị Minh	Thư	16/8/1998	Nữ	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	27	9	
3	7	23	CV0625	Nguyễn Thanh	Thủy	28/3/1997	Nữ	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	26	21	
3	7	24	CV0626	Lê Đình	Toàn	28/8/1992	Nam	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	33	13	
3	7	25	CV0627	Nguyễn Hà	Trang	22/9/1997	Nữ	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	37	12	
3	7	26	CV0628	Lương Anh	Tú	20/10/1988	Nam	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	25	Vắng	
3	7	27	CV0629	Nguyễn Đức	Anh	30/4/1998	Nam	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	33	20	Đủ ĐK
3	7	28	CV0630	Nguyễn Hà Đức	Anh	29/11/1990	Nam	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	36	15	Đủ ĐK

3	7	29	CV0631	Phạm Duy	Anh	18/10/1997	Nam	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	36	22	Đủ ĐK
3	7	30	CV0632	Trần Thị Phương	Anh	04/9/1997	Nữ	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	32	12	
3	7	31	CV0633	Trần Ninh	Chi	10/10/1985	Nữ	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	32	12	
3	7	32	CV0634	Đào Thúy	Linh	26/01/1985	Nữ	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm			TN	43	Miễn	Đủ ĐK
3	7	33	CV0635	Nguyễn Thị Thảo	My	02/11/1996	Nữ	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	26	7	
3	7	34	CV0636	Đặng Thị Ngọc	Thảo	24/02/2000	Nữ	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	45	21	Đủ ĐK
3	7	35	CV0637	Nguyễn Phương	Thoa	20/10/1991	Nữ	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Anh		TN	40	16	Đủ ĐK
3	7	36	CV0638	Nguyễn Quốc	Anh	31/8/1997	Nam	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Anh		TN	Vắng	Vắng	
3	7	37	CV0639	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	07/02/1993	Nữ	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Anh		TN	39	19	Đủ ĐK
3	7	38	CV0640	Đặng Tùng	Linh	17/9/1992	Nam	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Anh	HTNV	TN	29	14	
3	7	39	CV0641	Nguyễn Thị Mai	Lương	18/9/1996	Nữ	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Anh		TN	27	13	
3	7	40	CV0642	Nguyễn Bảo	Ngọc	25/4/1997	Nam	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Anh		TN	27	10	
4	1	1	CV0643	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	05/12/1995	Nữ	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Anh		TN	28	12	
4	1	2	CV0644	Lê Kỳ	Sơn	15/12/1996	Nam	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Anh		TN	31	25	Đủ ĐK
4	1	3	CV0645	Nguyễn Đức	Thanh	15/10/1996	Nam	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Anh		TN	38	20	Đủ ĐK
4	1	4	CV0646	Nguyễn Xuân	Thành	26/8/1995	Nam	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Anh		TN	27	16	
4	1	5	CV0647	Phạm Văn	Tiến	17/02/1987	Nam	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Anh		TN	20	7	
4	1	6	CV0648	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/7/1999	Nữ	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Anh		TN	27	6	

4	1	7	CV0649	Đặng Quốc	Văn	29/9/1998	Nam	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Anh		TN	29	16		
4	1	8	CV0650	Nguyễn Hoàng	An	30/01/1994	Nam	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh		TN	26	17		
4	1	9	CV0651	Cao Ngọc	Ánh	18/10/1998	Nữ	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh		TN	39	22	Đủ ĐK	
4	1	10	CV0652	Cấn Mạnh	Cường	17/12/1989	Nam	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh		TN	39	19	Đủ ĐK	
4	1	11	CV0653	Đặng Cao	Dũng	04/7/1994	Nam	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh		TN	35	11		
4	1	12	CV0654	Trần Vương	Hải	19/4/1999	Nam	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh		TN	44	23	Đủ ĐK	
4	1	13	CV0655	Nguyễn Xuân	Hoàng	18/10/1994	Nam	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh		TN	31	7		
4	1	14	CV0656	Nguyễn Thị Mai	Linh	23/11/1995	Nữ	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh		TN	Vắng	Vắng		
4	1	15	CV0657	Nguyễn Văn	Luận	23/8/1991	Nam	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh		TN	35	9		
4	1	16	CV0658	Nguyễn Hồng	Ngọc	17/02/1995	Nữ	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh		TN	30	9		
4	1	17	CV0659	Nguyễn Minh	Phúc	25/10/1993	Nam	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh		TN	37	20	Đủ ĐK	
4	1	18	CV0660	Tạ Thị Bích	Phượng	15/10/1995	Nữ	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh		TN	29	14		
4	1	19	CV0661	Nguyễn Hữu	Quỳnh	05/8/1992	Nam	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh		TN	28	9		
4	1	20	CV0662	Phạm Văn	Thành	05/11/1987	Nam	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh		TN	29	Vắng		
4	1	21	CV0663	Nguyễn Thị	Thứ	10/01/1994	Nữ	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh		TN	37	13		
4	1	22	CV0664	Bùi Trung	Thuật	25/01/1992	Nam	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh		TN	37	14		
4	1	23	CV0665	Phí Văn	Trường	24/8/1993	Nam	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh		TN	36	12		
4	1	24	CV0666	Phạm Quốc	Việt	24/3/1993	Nam	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Anh	SQDB	TN	28	10		

4	1	25	CV0667	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	06/11/1997	Nữ	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Anh		TN	21	8	
4	1	26	CV0668	Hoàng Văn	Bổng	30/8/1984	Nam	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Anh		TN	27	9	
4	1	27	CV0669	Khương Minh	Đức	22/12/1995	Nam	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Anh		TN	39	13	
4	1	28	CV0670	Phạm Thu	Hiền	07/9/1988	Nữ	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Anh		TN	36	15	Đủ ĐK
4	1	29	CV0671	Nguyễn Văn	Hùng	20/4/1992	Nam	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Anh		TN	38	10	
4	1	30	CV0672	Phạm Như	Loan	01/3/1999	Nữ	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Anh		TN	23	10	
4	1	31	CV0673	Đặng Thị	Mai	20/9/1992	Nữ	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Anh		TN	29	14	
4	1	32	CV0674	Nguyễn Hải	Nam	10/9/1994	Nam	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Anh		TN	Vắng	Vắng	
4	1	33	CV0675	Trần Thị Ánh	Nguyệt	15/12/1997	Nữ	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Anh		TN	27	16	
4	1	34	CV0676	Nguyễn Viết	Quân	03/12/1994	Nam	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Anh		TN	37	17	Đủ ĐK
4	2	1	CV0677	Đỗ Thị	Quyên	15/01/1998	Nữ	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Anh		TN	24	18	
4	2	2	CV0678	Nguyễn Thị	Thảo	18/7/1990	Nữ	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Anh	CBB	TN	Vắng	Vắng	
4	2	3	CV0679	Vũ Thị	Thủy	10/3/1995	Nữ	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Anh		TN	31	13	
4	2	4	CV0680	Đặng Ngọc	Anh	06/9/1999	Nữ	164	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Anh		TN	27	14	
4	2	5	CV0681	Phạm Hồng	Đức	24/9/1994	Nam	164	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Anh		TN	47	25	Đủ ĐK
4	2	6	CV0682	Nguyễn Phú	Hiệp	05/3/1999	Nam	164	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Nga		TN	Vắng	Vắng	
4	2	7	CV0683	Đỗ Thị	Phượng	11/6/2000	Nữ	164	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Anh		TN	40	20	Đủ ĐK
4	2	8	CV0684	Lê Minh	Anh	06/6/1997	Nữ	172	Phòng TN&MT huyện Sóc Sơn	Anh		TN	35	18	Đủ ĐK

4	2	9	CV0685	Nguyễn Thành	Đạt	19/8/1998	Nam	172	Phòng TN&MT huyện Sóc Sơn	Anh		TN	36	11	
4	2	10	CV0686	Lê Thị Bích	Ngọc	31/12/1990	Nữ	172	Phòng TN&MT huyện Sóc Sơn	Anh		TN	41	18	Đủ ĐK
4	2	11	CV0687	Trần Ngọc	Thanh	02/7/1981	Nam	172	Phòng TN&MT huyện Sóc Sơn	Anh	HTNV	TN	35	15	Đủ ĐK
4	2	12	CV0688	Đỗ Phương	Trang	14/10/1999	Nữ	172	Phòng TN&MT huyện Sóc Sơn	Anh		TN	38	24	Đủ ĐK
4	2	13	CV0689	Nguyễn Hà	Trang	26/4/1997	Nữ	172	Phòng TN&MT huyện Sóc Sơn	Anh		TN	19	18	
4	2	14	CV0690	Nguyễn Phương	Anh	19/9/1999	Nữ	24	Văn phòng, Sở KH&CN	Anh		TP	43	21	Đủ ĐK
4	2	15	CV0691	Vũ Xuân	Hân	11/9/1984	Nam	24	Văn phòng, Sở KH&CN			TP	38	Miễn	Đủ ĐK
4	2	16	CV0692	Bùi Đan	Linh	29/12/1998	Nữ	24	Văn phòng, Sở KH&CN	Anh		TP	32	25	Đủ ĐK
4	2	17	CV0693	Hoàng Minh	Đức	01/5/1997	Nam	65	Phòng Pháp chế, Sở Xây dựng	Anh		TP	25	Vắng	
4	2	18	CV0694	Nguyễn Vân	Hằng	15/7/2000	Nữ	65	Phòng Pháp chế, Sở Xây dựng	Anh		TP	39	26	Đủ ĐK
4	2	19	CV0695	Nông Thị Thanh	Hướng	28/01/2000	Nữ	65	Phòng Pháp chế, Sở Xây dựng	Anh	DTTS	TP	26	10	
4	2	20	CV0696	Chu Đình	Linh	05/4/1994	Nam	65	Phòng Pháp chế, Sở Xây dựng	Anh		TP	35	24	Đủ ĐK
4	2	21	CV0697	Đặng Nhật	Minh	09/9/2000	Nữ	65	Phòng Pháp chế, Sở Xây dựng	Anh		TP	29	26	
4	2	22	CV0698	Đinh Bảo	Thư	06/11/1982	Nữ	65	Phòng Pháp chế, Sở Xây dựng	Anh		TP	Vắng	Vắng	
4	2	23	CV0699	Nguyễn Thanh	Vân	27/5/1990	Nữ	65	Phòng Pháp chế, Sở Xây dựng	Anh		TP	37	20	Đủ ĐK
4	2	24	CV0700	Nguyễn Thị Kim	Anh	05/10/1998	Nữ	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	Vắng	Vắng	
4	2	25	CV0701	Phạm Tuấn	Cường	13/7/1995	Nam	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	Vắng	Vắng	
4	3	1	CV0702	Phạm Văn	Độ	30/5/1990	Nam	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	27	Vắng	

4	3	2	CV0703	Phạm Thị Thu	Hà	06/01/1999	Nữ	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	36	13	
4	3	3	CV0704	Cao Thị	Hồng	10/2/1995	Nữ	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	37	17	Đủ ĐK
4	3	4	CV0705	Đinh Ngọc	Huyền	13/12/1999	Nữ	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	33	20	Đủ ĐK
4	3	5	CV0706	Đặng Quang	Linh	20/8/2000	Nam	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	41	20	Đủ ĐK
4	3	6	CV0707	Phạm Khánh	Linh	15/5/2000	Nữ	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	38	27	Đủ ĐK
4	3	7	CV0708	Mai Văn	Minh	16/8/1988	Nam	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	35	15	Đủ ĐK
4	3	8	CV0709	Nguyễn Quang	Minh	14/6/1999	Nam	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	47	23	Đủ ĐK
4	3	9	CV0710	Nguyễn Lan	Nhi	15/02/2000	Nữ	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	35	23	Đủ ĐK
4	3	10	CV0711	Hoàng Nguyên	Phương	24/4/1997	Nam	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	40	21	Đủ ĐK
4	3	11	CV0712	Đặng Thúy	Quỳnh	08/9/2000	Nữ	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	39	21	Đủ ĐK
4	3	12	CV0713	Nguyễn Hồng	Sơn	16/9/1996	Nam	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	36	20	Đủ ĐK
4	3	13	CV0714	Phạm Hoàng Anh	Thái	16/11/1995	Nam	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	29	22	

4	3	14	CV0715	Nguyễn Đình Chiến	Thắng	03/11/1997	Nam	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh	HTNV	TP	33	12	
4	3	15	CV0716	Nguyễn Huyền	Trang	18/3/1993	Nữ	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh	CBB	TP	Vắng	Vắng	
4	3	16	CV0717	Tạ Ngọc Mai	Trang	12/3/2000	Nữ	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	49	28	Đủ ĐK
4	3	17	CV0718	Đỗ Minh	Tú	15/01/1997	Nam	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	41	20	Đủ ĐK
4	3	18	CV0719	Đặng Vũ	Việt	5/5/1996	Nam	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	33	13	
4	3	19	CV0720	Nguyễn Thị Hải	Yến	04/8/1982	Nữ	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TP	46	24	Đủ ĐK
4	3	20	CV0721	Hà Minh	Chung	05/5/2000	Nam	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh		TP	24	13	
4	3	21	CV0722	Dương Ngọc	Hưng	20/5/1993	Nam	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh		TP	40	17	Đủ ĐK
4	3	22	CV0723	Trương Đức	Lai	04/9/1990	Nam	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh	DTTS	TP	33	7	
4	3	23	CV0724	Bùi Thị	Luyến	30/3/1993	Nữ	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh		TP	Vắng	Vắng	
4	3	24	CV0725	Trần Bá	Thọ	03/12/1992	Nam	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh		TP	32	11	
4	3	25	CV0726	Lương Thị	Thuý	27/6/1992	Nữ	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Trung		TP	40	24	Đủ ĐK
4	4	1	CV0727	Hoàng Thị Bảo	Trang	29/01/1991	Nữ	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh		TP	41	13	
4	4	2	CV0728	Nguyễn Đức	Trung	15/4/1996	Nam	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh		TP	38	21	Đủ ĐK
4	4	3	CV0729	Nguyễn Chí	Tùng	31/5/1994	Nam	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh		TP	32	20	Đủ ĐK

4	4	4	CV0730	Vũ Tuấn	Việt	01/5/1999	Nam	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Anh		TP	23	10	
4	4	5	CV0731	Nguyễn Viết	Đức	22/7/1978	Nam	125	Phòng Tư pháp huyện Đan Phượng	Anh		TP	43	20	Đủ ĐK
4	4	6	CV0732	An Thị	Hằng	28/01/1987	Nữ	125	Phòng Tư pháp huyện Đan Phượng	Anh		TP	38	14	
4	4	7	CV0733	Lê Thị	Loan	07/9/1998	Nữ	125	Phòng Tư pháp huyện Đan Phượng	Anh		TP	40	21	Đủ ĐK
4	4	8	CV0734	Nguyễn Thanh	Quý	11/3/1997	Nữ	125	Phòng Tư pháp huyện Đan Phượng	Anh		TP	32	23	Đủ ĐK
4	4	9	CV0735	Nguyễn Trường	Sơn	30/3/1998	Nam	125	Phòng Tư pháp huyện Đan Phượng	Anh		TP	Vắng	Vắng	
4	4	10	CV0736	Đỗ Phạm Ngọc	Yến	06/9/1987	Nữ	125	Phòng Tư pháp huyện Đan Phượng	Trung		TP	40	28	Đủ ĐK
4	4	11	CV0737	Nguyễn Thị Lan	Anh	06/11/1999	Nữ	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Anh		TP	41	28	Đủ ĐK
4	4	12	CV0738	Ngô Ích	Hiệp	10/8/1978	Nam	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Anh		TP	24	7	
4	4	13	CV0739	Hoàng Phú	Hưng	15/01/1997	Nam	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Anh		TP	35	12	
4	4	14	CV0740	Nguyễn Anh	Hưởng	04/8/1997	Nam	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Anh		TP	41	23	Đủ ĐK
4	4	15	CV0741	Vương Lê Ngọc	Liên	02/3/1997	Nữ	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Anh		TP	Vắng	Vắng	
4	4	16	CV0742	Hoàng Trang	Linh	04/7/2000	Nữ	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Anh		TP	42	23	Đủ ĐK
4	4	17	CV0743	Nguyễn Thị Huyền	Ngọc	12/12/1999	Nữ	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Anh		TP	37	20	Đủ ĐK
4	4	18	CV0744	Trần Thị	Ngọc	19/6/1999	Nữ	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Anh		TP	21	21	
4	4	19	CV0745	Đinh Anh	Thiện	21/9/1994	Nam	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Anh	DTTS	TP	35	20	Đủ ĐK
4	4	20	CV0746	Trần Thị Lan	Anh	12/11/2000	Nữ	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Anh		TP	43	24	Đủ ĐK
4	4	21	CV0747	Lê Việt	Hà	12/9/1990	Nam	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Anh		TP	41	20	Đủ ĐK
4	4	22	CV0748	Võ Thu	Hằng	27/6/1999	Nữ	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Anh		TP	33	28	Đủ ĐK

4	4	23	CV0749	Nguyễn Minh	Huy	29/9/2000	Nam	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Anh		TP	35	28	Đủ ĐK
4	4	24	CV0750	Phạm Diệu	Linh	10/9/1996	Nữ	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Anh	DTTS	TP	35	11	
4	4	25	CV0751	Phạm Nhật	Linh	27/3/1989	Nữ	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Anh		TP	38	22	Đủ ĐK
4	5	1	CV0752	Vũ Thị	Nga	19/7/1997	Nữ	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Anh		TP	35	18	Đủ ĐK
4	5	2	CV0753	Hoàng Ngọc	Tân	14/02/1981	Nam	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Anh		TP	25	Vắng	
4	5	3	CV0754	Bùi Đức	Thành	05/5/1997	Nam	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Anh		TP	42	16	Đủ ĐK
4	5	4	CV0755	Hà Thị	Vang	04/3/1998	Nữ	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Anh	DTTS	TP	31	11	
4	5	5	CV0756	Nguyễn Thị Mai	Anh	20/10/1990	Nữ	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Anh		TP	40	19	Đủ ĐK
4	5	6	CV0757	Nguyễn Thị	Hằng	12/12/2000	Nữ	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Trung		TP	44	25	Đủ ĐK
4	5	7	CV0758	Nguyễn Việt	Hùng	28/7/2000	Nam	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Anh	DTTS	TP	40	21	Đủ ĐK
4	5	8	CV0759	Trịnh Thị	Hường	20/9/1987	Nữ	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Anh		TP	45	14	
4	5	9	CV0760	Nguyễn Thị Thu	Huyền	22/3/1995	Nữ	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Anh		TP	36	10	
4	5	10	CV0761	Lê Minh	Ngọc	15/01/1996	Nữ	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa			TP	39	Miễn	Đủ ĐK
4	5	11	CV0762	Lê Thị Bích	Ngọc	01/4/1992	Nữ	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa			TP	46	Miễn	Đủ ĐK
4	5	12	CV0763	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	28/9/1997	Nữ	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Anh		TP	35	22	Đủ ĐK
4	5	13	CV0764	Nguyễn Thùy	Trang	09/10/1997	Nữ	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Anh		TP	31	10	
4	5	14	CV0765	Nguyễn Văn	Tuấn	08/11/1992	Nam	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Anh		TP	39	9	

4	5	15	CV0766	Lưu Thị Ngọc	Anh	11/02/1979	Nữ	36	Phòng HC-TH, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT	Anh		TT	34	14	
4	5	16	CV0767	Đặng Thị	Nhung	29/11/1987	Nữ	36	Phòng HC-TH, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT	Anh		TT	41	9	
4	5	17	CV0768	Bùi Thu	Phương	10/5/2000	Nữ	37	Phòng HC-TH, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT	Anh		TT	41	21	Đủ ĐK
4	5	18	CV0769	Nguyễn Thanh	Bình	20/5/1988	Nữ	46	Phòng Hành chính tổ chức, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh	CĐCĐ	TT	30	13	
4	5	19	CV0770	Kim Thị Thùy	Hương	02/7/1996	Nữ	46	Phòng Hành chính tổ chức, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TT	27	18	
4	5	20	CV0771	Nguyễn Đình	Minh	30/11/1991	Nam	46	Phòng Hành chính tổ chức, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TT	31	17	Đủ ĐK
4	5	21	CV0772	Dương Mạnh	Đạt	19/11/1996	Nam	58	Phòng Bưu chính - Viễn thông, Sở TT&TT	Anh		TT	41	21	Đủ ĐK
4	5	22	CV0773	Trần Văn	Hải	18/01/1994	Nam	58	Phòng Bưu chính - Viễn thông, Sở TT&TT	Anh		TT	36	22	Đủ ĐK
4	5	23	CV0774	Bùi Trọng	Hoàng	17/5/1997	Nam	58	Phòng Bưu chính - Viễn thông, Sở TT&TT			TT	42	Miễn	Đủ ĐK
4	5	24	CV0775	Nguyễn Thị	Hanh	16/7/1991	Nữ	59	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Anh		TT	Vắng	Vắng	
4	5	25	CV0776	La Thị	Hiền	30/8/1995	Nữ	59	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Anh	DTTS	TT	29	16	
4	6	1	CV0777	Khuất Thị Lan	Hương	18/9/1994	Nữ	59	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Anh		TT	Vắng	Vắng	
4	6	2	CV0778	Dương Bảo	Ngọc	19/3/1986	Nữ	59	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Anh		TT	37	16	Đủ ĐK
4	6	3	CV0779	Đỗ Lan	Phương	28/8/1998	Nữ	59	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Anh		TT	46	23	Đủ ĐK
4	6	4	CV0780	Nguyễn Quỳnh	Trang	14/02/1998	Nữ	59	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Anh		TT	36	24	Đủ ĐK

4	6	5	CV0781	Vương Thị	Long	20/6/1988	Nữ	60	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Anh		TT	35	17	Đủ ĐK
4	6	6	CV0782	Tô Ngọc Anh	Minh	28/3/1993	Nam	60	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Anh		TT	Vắng	Vắng	
4	6	7	CV0783	Vũ Thùy	Trang	26/2/1994	Nữ	60	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT			TT	28	Miễn	
4	6	8	CV0784	Trần Huyền	Vy	21/02/1997	Nữ	60	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Anh		TT	40	25	Đủ ĐK
4	6	9	CV0785	Đặng Thu	Thuỳ	16/11/1995	Nữ	61	Phòng Thông tin điện tử, Sở TT&TT	Anh		TT	33	13	
4	6	10	CV0786	Nguyễn Thảo	Anh	05/5/1993	Nữ	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TT	31	22	Đủ ĐK
4	6	11	CV0787	Kiều Tường	Chi	30/01/2000	Nữ	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TT	36	25	Đủ ĐK
4	6	12	CV0788	Tạ Thùy	Dương	05/10/1994	Nữ	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TT	32	23	Đủ ĐK
4	6	13	CV0789	Phạm Thị	Hương	02/4/1992	Nữ	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TT	26	10	
4	6	14	CV0790	Lê Thu	Lam	18/9/1999	Nữ	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TT	36	16	Đủ ĐK
4	6	15	CV0791	Đỗ Thị	Lệ	09/6/1995	Nữ	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TT	48	18	Đủ ĐK
4	6	16	CV0792	Lê Thị Thuỳ	Linh	18/5/1997	Nữ	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TT	40	16	Đủ ĐK
4	6	17	CV0793	Mai Bích	Loan	05/01/1999	Nữ	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TT	28	14	

4	6	18	CV0794	Nguyễn Anh	Minh	05/02/1998	Nam	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TT	42	25	Đủ ĐK
4	6	19	CV0795	Nguyễn Thị Băng	Tâm	04/11/1999	Nữ	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TT	28	15	
4	6	20	CV0796	Bùi Thị Thu	Trang	22/10/1986	Nữ	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TT	31	19	Đủ ĐK
4	6	21	CV0797	Hà Thị	Trọng	10/10/1996	Nữ	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		TT	43	25	Đủ ĐK
4	6	22	CV0798	Lò Văn	Tuyến	18/8/1996	Nam	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh	DTTS	TT	20	8	
4	6	23	CV0799	Vũ Diệp	Anh	11/7/1999	Nữ	85	Phòng VHTT quận Ba Đình	Anh		TT	30	9	
4	6	24	CV0800	Lê Hữu	Hoa	03/01/1994	Nam	85	Phòng VHTT quận Ba Đình	Anh	HTNV	TT	24	Vắng	
4	6	25	CV0801	Dương Thùy	Linh	21/6/1997	Nữ	85	Phòng VHTT quận Ba Đình	Anh		TT	31	17	Đủ ĐK
4	6	26	CV0802	Lê Bích	Vượng	13/8/1997	Nữ	85	Phòng VHTT quận Ba Đình	Anh		TT	43	23	Đủ ĐK
4	6	27	CV0803	Đặng Văn	Diện	27/6/1983	Nam	108	Phòng VHTT quận Hoàn Kiếm	Anh		TT	41	19	Đủ ĐK
4	6	28	CV0804	Trần Bảo	Khánh	30/10/1994	Nam	108	Phòng VHTT quận Hoàn Kiếm	Anh		TT	43	22	Đủ ĐK
4	6	29	CV0805	Chung Thùy	Linh	10/10/1991	Nữ	108	Phòng VHTT quận Hoàn Kiếm	Anh		TT	Vắng	Vắng	
4	6	30	CV0806	Nguyễn Đức	Cảnh	20/9/1985	Nam	169	VP HĐND và UBND huyện Sóc Sơn	Anh	CTB	TT	39	20	Đủ ĐK
4	6	31	CV0807	Đỗ Thị	Thảo	27/5/1985	Nữ	169	VP HĐND và UBND huyện Sóc Sơn	Anh		TT	27	14	
4	6	32	CV0808	Phan Hải	Anh	31/3/1989	Nữ	1	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	Vắng	Vắng	

4	6	33	CV0809	Nguyễn Thị Bích	Hường	07/5/1986	Nữ	1	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	39	25	Đủ ĐK
4	6	34	CV0810	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	02/9/1999	Nữ	1	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	30	15	Đủ ĐK
4	6	35	CV0811	Lê Thanh	Long	20/02/1995	Nam	1	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	42	23	Đủ ĐK
4	6	36	CV0812	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	01/9/1999	Nữ	1	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	30	25	Đủ ĐK
4	6	37	CV0813	Phùng Thành	Nam	05/10/1998	Nam	1	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	36	13	
4	6	38	CV0814	Nguyễn Thị	Ngà	04/08/1981	Nữ	1	Ban Tiếp Công dân TP			TTR	23	Miễn	
4	6	39	CV0815	Nguyễn Kim	Anh	11/02/1999	Nữ	2	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	47	23	Đủ ĐK
4	6	40	CV0816	Nguyễn Quang	Đạo	19/5/1990	Nam	2	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	Vắng	Vắng	
4	7	1	CV0817	Đỗ Tuấn	Hoàng	22/12/1999	Nam	2	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	33	24	Đủ ĐK
4	7	2	CV0818	Nguyễn Quang	Huy	06/11/1996	Nam	2	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	Vắng	Vắng	
4	7	3	CV0819	Trần Huyền	Thanh	20/10/2000	Nữ	2	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	48	24	Đủ ĐK
4	7	4	CV0820	Nguyễn Mạnh	Tường	11/8/2000	Nam	2	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	27	Vắng	
4	7	5	CV0821	Lê Hải	Vân	12/8/1998	Nữ	2	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	45	28	Đủ ĐK
4	7	6	CV0822	Hoàng Quang	Vinh	10/01/1990	Nam	2	Ban Tiếp Công dân TP	Anh	DTTS	TTR	Vắng	Vắng	
4	7	7	CV0823	Đỗ Hải	Anh	16/03/1999	Nữ	3	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	Vắng	Vắng	
4	7	8	CV0824	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	02/9/2000	Nữ	3	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	28	Vắng	
4	7	9	CV0825	Hà Quang	Bách	06/11/2000	Nam	3	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	39	24	Đủ ĐK
4	7	10	CV0826	Trần Tiến	Đạt	8/7/1999	Nam	3	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	27	Vắng	
4	7	11	CV0827	Nguyễn Thị Thùy	Dung	11/9/2000	Nữ	3	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	45	20	Đủ ĐK
4	7	12	CV0828	Nguyễn Trung	Dũng	06/6/1990	Nam	3	Ban Tiếp Công dân TP	Anh	SQDB	TTR	26	Vắng	
4	7	13	CV0829	Triệu Văn	Hiệp	16/7/2000	Nam	3	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	43	20	Đủ ĐK
4	7	14	CV0830	Nguyễn Quang	Hiếu	15/11/1998	Nam	3	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	45	22	Đủ ĐK
4	7	15	CV0831	Nguyễn Quang	Học	20/12/1989	Nam	3	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	Vắng	Vắng	
4	7	16	CV0832	Triệu Tuấn	Huy	08/5/1999	Nam	3	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	42	21	Đủ ĐK

4	7	17	CV0833	Lý Vương	Khanh	17/3/2000	Nữ	3	Ban Tiếp Công dân TP	Anh	DTTS	TTR	29	Vắng	
4	7	18	CV0834	Trần Tuyết	Linh	10/6/1989	Nữ	3	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	30	19	Đủ ĐK
4	7	19	CV0835	Nguyễn Khánh	Ly	21/12/2000	Nữ	3	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	49	24	Đủ ĐK
4	7	20	CV0836	Đặng Thương	Thương	20/10/1991	Nữ	3	Ban Tiếp Công dân TP	Anh		TTR	35	22	Đủ ĐK
4	7	21	CV0837	Nguyễn Dương Diệu	Thúy	08/7/1997	Nữ	3	Ban Tiếp Công dân TP			TTR	30	Miễn	Đủ ĐK
4	7	22	CV0838	Nguyễn Việt	Anh	30/10/1990	Nam	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Anh		TTR	41	17	Đủ ĐK
4	7	23	CV0839	Mai Đức	Bảy	10/11/1997	Nam	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Anh		TTR	24	9	
4	7	24	CV0840	Cấn Văn	Giáp	21/01/1990	Nam	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Anh		TTR	28	8	
4	7	25	CV0841	Trần Xuân	Hãnh	06/01/1984	Nam	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Anh		TTR	37	21	Đủ ĐK
4	7	26	CV0842	Nguyễn Quang	Học	04/4/1990	Nam	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Anh		TTR	41	16	Đủ ĐK
4	7	27	CV0843	Bùi Sỹ	Huấn	18/9/1996	Nam	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Anh		TTR	35	23	Đủ ĐK
4	7	28	CV0844	Nguyễn Vũ	Huy	08/11/1997	Nam	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Anh		TTR	25	16	
4	7	29	CV0845	Hoàng Văn	Kết	08/5/1989	Nam	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Anh		TTR	26	Vắng	
4	7	30	CV0846	Lê Xuân	Lượng	03/02/1995	Nam	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Anh		TTR	37	21	Đủ ĐK
4	7	31	CV0847	Hồ Thị Minh	Nguyệt	21/01/1997	Nữ	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Anh		TTR	32	16	Đủ ĐK
4	7	32	CV0848	Nguyễn Đình	Phong	12/7/1992	Nam	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Anh		TTR	34	8	
4	7	33	CV0849	Đặng Thành	Trung	25/02/1985	Nam	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Anh		TTR	43	20	Đủ ĐK
4	7	34	CV0850	Phạm Tuấn	Hưng	6/7/1999	Nam	11	Phòng Thanh tra HC, Thanh tra sở GTVT	Anh		TTR	24	20	
4	7	35	CV0851	Vũ Thị	Hằng	15/11/1987	Nữ	12	Đội Thanh tra GTVT huyện Ba Vì	Anh		TTR	41	18	Đủ ĐK
4	7	36	CV0852	Kiều Thu	Huyền	02/4/1998	Nữ	12	Đội Thanh tra GTVT huyện Ba Vì	Anh		TTR	40	22	Đủ ĐK

4	7	37	CV0853	Bùi Ngọc	Mai	02/12/1997	Nữ	12	Đội Thanh tra GTVT huyện Ba Vì	Anh		TTR	19	4	
4	7	38	CV0854	Nguyễn Ngọc	Minh	09/4/1983	Nam	12	Đội Thanh tra GTVT huyện Ba Vì	Anh		TTR	40	20	Đủ ĐK
4	7	39	CV0855	Phùng Huyền	My	10/8/2000	Nữ	12	Đội Thanh tra GTVT huyện Ba Vì	Anh		TTR	30	24	Đủ ĐK
4	7	40	CV0856	Vũ Thị	Nhung	22/4/1986	Nữ	12	Đội Thanh tra GTVT huyện Ba Vì	Anh		TTR	22	22	
5	1	1	CV0857	Phạm Thị Minh	Tâm	05/10/1990	Nữ	12	Đội Thanh tra GTVT huyện Ba Vì	Anh		TTR	Vắng	Vắng	
5	1	2	CV0858	Chu Thị Thu	Thảo	11/7/1991	Nữ	12	Đội Thanh tra GTVT huyện Ba Vì	Anh		TTR	Vắng	Vắng	
5	1	3	CV0859	Nguyễn Thị	Yến	04/02/1990	Nữ	13	Đội Thanh tra GTVT thị xã Sơn Tây	Anh		TTR	Vắng	Vắng	
5	1	4	CV0860	Nguyễn Duy	Anh	25/5/1998	Nam	14	Đội Thanh tra GTVT huyện Ứng Hòa	Anh		TTR	31	10	
5	1	5	CV0861	Nguyễn Huy	Dương	20/01/1989	Nam	14	Đội Thanh tra GTVT huyện Ứng Hòa	Anh		TTR	45	21	Đủ ĐK
5	1	6	CV0862	Nguyễn Văn	Nghĩa	07/01/1978	Nam	14	Đội Thanh tra GTVT huyện Ứng Hòa	Anh		TTR	52	15	Đủ ĐK
5	1	7	CV0863	Nguyễn Thế	Hiệp	23/8/1998	Nam	15	Đội Thanh tra GTVT huyện Chương Mỹ	Anh		TTR	30	11	
5	1	8	CV0864	Nguyễn Nam	Quang	14/01/1999	Nam	15	Đội Thanh tra GTVT huyện Chương Mỹ	Anh		TTR	28	21	
5	1	9	CV0865	Vũ Văn	Bảo	01/8/1992	Nam	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Anh		TTR	39	13	
5	1	10	CV0866	Nguyễn Văn	Bình	10/10/1993	Nam	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Anh		TTR	30	8	
5	1	11	CV0867	Bùi Thị	Hạnh	7/11/1999	Nữ	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Trung	DTTS	TTR	42	21	Đủ ĐK
5	1	12	CV0868	Trần Xuân	Hưng	08/10/1982	Nam	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Anh		TTR	39	18	Đủ ĐK
5	1	13	CV0869	Nguyễn Đức	Kha	23/02/1977	Nam	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Anh	QNCNPV	TTR	Vắng	Vắng	

5	1	14	CV0870	Trần Đức	Khánh	12/7/1998	Nam	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Anh		TTR	28	Vắng	
5	1	15	CV0871	Nguyễn Bá	Kiên	20/5/1998	Nam	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Anh		TTR	28	Vắng	
5	1	16	CV0872	Lê Đình	Linh	16/7/1993	Nam	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Anh		TTR	35	18	Đủ ĐK
5	1	17	CV0873	Đàm Thăng	Long	19/8/1996	Nam	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Anh		TTR	29	Vắng	
5	1	18	CV0874	Lê Minh	Phương	17/3/1997	Nữ	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Anh		TTR	36	13	
5	1	19	CV0875	Đỗ Công	Thương	23/9/1996	Nam	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Anh		TTR	29	Vắng	
5	1	20	CV0876	Nguyễn Thị Thu	Trang	30/9/1991	Nữ	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh			TTR	39	Miễn	Đủ ĐK
5	1	21	CV0877	Đặng Minh	Tuấn	20/01/1997	Nam	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Anh		TTR	35	19	Đủ ĐK
5	1	22	CV0878	Đỗ Quốc	Tuấn	29/3/1993	Nam	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Anh		TTR	35	19	Đủ ĐK
5	1	23	CV0879	Thân Văn	Tuấn	01/4/1979	Nam	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Anh		TTR	27	5	
5	1	24	CV0880	Nguyễn Thị	Hiền	26/01/1992	Nữ	17	Đội Thanh tra GTVT huyện Phúc Thọ	Anh		TTR	38	11	
5	1	25	CV0881	Lê Thành	Thưởng	06/7/1989	Nam	17	Đội Thanh tra GTVT huyện Phúc Thọ	Anh		TTR	35	14	
5	1	26	CV0882	Đỗ Thị Thanh	Thủy	27/9/1987	Nữ	17	Đội Thanh tra GTVT huyện Phúc Thọ	Anh		TTR	30	11	
5	1	27	CV0883	Tăng Trần	Tiến	26/9/1987	Nam	17	Đội Thanh tra GTVT huyện Phúc Thọ	Anh		TTR	30	11	
5	1	28	CV0884	Nguyễn Tuấn	Anh	26/10/1994	Nam	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Anh		TTR	40	11	
5	1	29	CV0885	Nguyễn Thị Huệ	Chi	27/6/1997	Nữ	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Anh		TTR	38	15	Đủ ĐK
5	1	30	CV0886	Nguyễn Quang	Cường	05/02/1989	Nam	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Anh		TTR	32	17	Đủ ĐK

5	1	31	CV0887	Vũ Hoàng	Hiệp	22/8/1998	Nam	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Anh		TTR	31	22	Đủ ĐK
5	1	32	CV0888	Trương Văn	Long	05/7/1995	Nam	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Anh		TTR	33	12	
5	1	33	CV0889	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	07/9/1991	Nữ	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Anh		TTR	38	13	
5	1	34	CV0890	Nguyễn Đức	Thảo	19/9/1999	Nam	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Anh	DTTS	TTR	33	13	
5	2	1	CV0891	Bùi Văn	Tín	09/5/1989	Nam	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Anh		TTR	50	19	Đủ ĐK
5	2	2	CV0892	Trần Mạnh	Toàn	02/02/1995	Nam	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Anh		TTR	30	13	
5	2	3	CV0893	Nguyễn Quang	Vinh	07/6/1990	Nam	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Anh		TTR	30	9	
5	2	4	CV0894	Lê Đức	Anh	22/01/1999	Nam	19	Đội Thanh tra GTVT huyện Mỹ Đức	Anh	CTB	TTR	41	22	Đủ ĐK
5	2	5	CV0895	Trần Huy	Cường	17/8/1995	Nam	19	Đội Thanh tra GTVT huyện Mỹ Đức	Anh		TTR	49	19	Đủ ĐK
5	2	6	CV0896	Nguyễn Văn	Tùng	04/4/1988	Nam	19	Đội Thanh tra GTVT huyện Mỹ Đức	Anh		TTR	35	9	
5	2	7	CV0897	Trần Tuấn	Hưng	20/11/1993	Nam	20	Đội Thanh tra GTVT đường bộ	Anh		TTR	38	17	Đủ ĐK
5	2	8	CV0898	Lưu Quang	Luân	20/9/1989	Nam	20	Đội Thanh tra GTVT đường bộ	Anh		TTR	31	15	Đủ ĐK
5	2	9	CV0899	Phùng Chi	Anh	21/12/1999	Nữ	28	Thanh tra sở, Sở Lao động TB&XH	Anh		TTR	38	11	
5	2	10	CV0900	Vương Tuấn	Anh	13/02/1995	Nam	28	Thanh tra sở, Sở Lao động TB&XH	Anh		TTR	34	20	Đủ ĐK
5	2	11	CV0901	Vũ Văn	Duy	01/01/1983	Nam	28	Thanh tra sở, Sở Lao động TB&XH	Anh		TTR	43	20	Đủ ĐK
5	2	12	CV0902	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	02/4/1988	Nữ	28	Thanh tra sở, Sở Lao động TB&XH	Anh		TTR	31	Vắng	
5	2	13	CV0903	Đỗ Đức	Thắng	07/01/1998	Nam	28	Thanh tra sở, Sở Lao động TB&XH	Anh		TTR	42	23	Đủ ĐK

5	2	14	CV0904	Nguyễn Công	Thành	10/7/1998	Nam	28	Thanh tra sở, Sở Lao động TB&XH	Anh		TTR	31	13	
5	2	15	CV0905	Nguyễn Văn	Trường	23/3/1989	Nam	28	Thanh tra sở, Sở Lao động TB&XH	Anh	CĐCĐ	TTR	36	15	Đủ ĐK
5	2	16	CV0906	Trần Thị	Yến	27/7/1994	Nữ	52	Phòng Thanh tra Pháp chế, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Anh		TTR	34	12	
5	2	17	CV0907	Nguyễn Thị	Quyên	31/3/1998	Nữ	71	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	38	18	Đủ ĐK
5	2	18	CV0908	Đàm Quang	Trung	14/02/1992	Nam	71	Văn phòng, Thanh tra Thành phố			TTR	28	Miễn	
5	2	19	CV0909	Phạm Gia	Vinh	21/12/1994	Nam	71	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Anh	CTB	TTR	31	24	Đủ ĐK
5	2	20	CV0910	Đào Lan	Anh	10/6/1998	Nữ	72	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	38	18	Đủ ĐK
5	2	21	CV0911	Bùi Nam	Giang	28/11/1991	Nam	72	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	36	16	Đủ ĐK
5	2	22	CV0912	Vũ Thị	Quý	23/01/1984	Nữ	72	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	34	14	
5	2	23	CV0913	Trần Phương	Thảo	08/3/1991	Nữ	72	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	32	20	Đủ ĐK
5	2	24	CV0914	Lê Thu	Trang	08/5/1990	Nữ	72	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	28	Vắng	
5	2	25	CV0915	Nguyễn Văn	Vịnh	14/6/1987	Nam	72	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	31	20	Đủ ĐK
5	3	1	CV0916	Vũ Minh	Bách	28/9/1997	Nam	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	37	14	
5	3	2	CV0917	Nguyễn Hùng	Cường	09/9/1992	Nam	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	30	25	Đủ ĐK
5	3	3	CV0918	Trần Văn	Dũng	21/7/1997	Nam	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	41	10	

5	3	4	CV0919	Đào Quý	Dương	02/12/1993	Nam	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	34	17	Đủ ĐK
5	3	5	CV0920	Phạm Văn	Duy	29/11/1994	Nam	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	30	7	
5	3	6	CV0921	Phan Anh	Giáp	12/02/1994	Nam	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Anh	CBB	TTR	37	20	Đủ ĐK
5	3	7	CV0922	Nguyễn Ngọc	Hùng	28/9/1993	Nam	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	29	22	
5	3	8	CV0923	Phạm Duy	Hưng	18/02/1995	Nam	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	31	21	Đủ ĐK
5	3	9	CV0924	Phạm Đức	Lộc	20/4/1995	Nam	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	23	9	
5	3	10	CV0925	Vũ Thị Thanh	Mai	09/02/1986	Nữ	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	Vắng	Vắng	
5	3	11	CV0926	Nghiêm Minh	Phú	19/01/1991	Nam	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố			TTR	Vắng	Miễn	
5	3	12	CV0927	Nguyễn Tuấn	Phương	09/4/1992	Nam	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	46	25	Đủ ĐK
5	3	13	CV0928	Trương Văn	Tân	23/6/1997	Nam	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Anh	CBB	TTR	38	13	
5	3	14	CV0929	Nguyễn Hữu	Thành	26/7/1999	Nam	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	33	16	Đủ ĐK
5	3	15	CV0930	Kim Thị Thu	Trang	23/8/1992	Nữ	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	42	15	Đủ ĐK

5	3	16	CV0931	Ngô Minh	Tuấn	14/02/1995	Nam	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	25	9	
5	3	17	CV0932	Phạm Đình	Văn	21/3/1984	Nam	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Anh	HTNV	TTR	39	20	Đủ ĐK
5	3	18	CV0933	Nguyễn Trung	Dũng	27/7/1978	Nam	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	32	10	
5	3	19	CV0934	Nguyễn Hồng	Dương	06/5/1993	Nam	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	29	13	
5	3	20	CV0935	Đoàn Trường	Giang	13/4/1993	Nam	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	33	21	Đủ ĐK
5	3	21	CV0936	Đỗ Xuân	Huy	28/7/1996	Nam	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	29	16	
5	3	22	CV0937	Phan Ngọc	Linh	05/8/1994	Nam	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	24	16	
5	3	23	CV0938	Đỗ Hằng	Nga	29/10/1992	Nữ	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	41	20	Đủ ĐK
5	3	24	CV0939	Đào Minh	Phương	24/9/1984	Nam	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Anh	CTB	TTR	23	14	
5	3	25	CV0940	Phạm Bảo	Thắng	28/9/1992	Nam	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Anh	CTB	TTR	35	23	Đủ ĐK
5	4	1	CV0941	Nguyễn Minh	Thành	07/02/1994	Nam	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	33	16	Đủ ĐK
5	4	2	CV0942	Lê Anh	Tuấn	26/8/1990	Nam	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	33	11	

5	4	3	CV0943	Leo Anh	Tuấn	02/3/1999	Nam	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Anh	DTTS	TTR	29	6	
5	4	4	CV0944	Lê Duy	Tùng	30/4/1994	Nam	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Anh		TTR	37	15	Đủ ĐK
5	4	5	CV0945	Vũ Gia	Bách	11/8/1996	Nam	97	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	41	21	Đủ ĐK
5	4	6	CV0946	Hoàng Năm	Thảo	04/4/1984	Nam	97	Thanh tra quận Cầu Giấy			TTR	48	Miễn	Đủ ĐK
5	4	7	CV0947	Lê Thị Minh	Anh	13/12/1991	Nữ	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	41	19	Đủ ĐK
5	4	8	CV0948	Nguyễn Hoàng	Anh	05/05/1993	Nam	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	37	19	Đủ ĐK
5	4	9	CV0949	Trần Linh	Chi	18/6/1997	Nữ	98	Thanh tra quận Cầu Giấy			TTR	55	Miễn	Đủ ĐK
5	4	10	CV0950	Dương Khắc	Đông	15/10/1994	Nam	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	41	24	Đủ ĐK
5	4	11	CV0951	Hà Thị Thanh	Dung	09/4/1991	Nữ	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	36	19	Đủ ĐK
5	4	12	CV0952	Nguyễn Thị Hà	Linh	22/5/1990	Nữ	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	Vắng	Vắng	
5	4	13	CV0953	Hà Thảo	Ngân	05/12/1997	Nữ	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	30	20	Đủ ĐK
5	4	14	CV0954	Nguyễn Minh	Tâm	20/12/1998	Nữ	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	34	22	Đủ ĐK
5	4	15	CV0955	Nguyễn Hồng	Uyên	25/10/1999	Nữ	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	33	18	Đủ ĐK
5	4	16	CV0956	Phạm Văn	Bình	01/12/1997	Nam	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	41	25	Đủ ĐK
5	4	17	CV0957	Ngô Chí	Cường	23/2/1995	Nam	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	48	23	Đủ ĐK
5	4	18	CV0958	Hoàng Minh	Dôn	24/6/1997	Nam	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh	DTTS	TTR	33	13	
5	4	19	CV0959	Nguyễn Trường	Giang	11/9/1996	Nam	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	49	25	Đủ ĐK
5	4	20	CV0960	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	13/11/1997	Nữ	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	28	17	
5	4	21	CV0961	Nguyễn Minh	Hiếu	03/4/1999	Nam	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	30	21	Đủ ĐK
5	4	22	CV0962	Trần Thu	Huyền	05/02/1998	Nữ	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	Vắng	Vắng	
5	4	23	CV0963	Bùi Huệ Ngọc	Mai	22/3/1992	Nữ	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	42	16	Đủ ĐK
5	4	24	CV0964	Hoàng Thị Đan	Phương	12/5/1996	Nữ	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	Vắng	Vắng	
5	4	25	CV0965	Trần Mai	Phương	01/01/2000	Nữ	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	44	24	Đủ ĐK

5	5	1	CV0966	Lương Hùng	Quyên	14/4/2000	Nam	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	45	28	Đủ ĐK
5	5	2	CV0967	Nguyễn Thế	Thanh	17/4/1993	Nam	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	37	18	Đủ ĐK
5	5	3	CV0968	Phạm Duy	Thành	13/11/1998	Nam	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	27	Vắng	
5	5	4	CV0969	Phan Thị thu	Thủy	11/2/1995	Nữ	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	37	22	Đủ ĐK
5	5	5	CV0970	Nguyễn Tiến	Tiến	07/7/1996	Nam	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	39	16	Đủ ĐK
5	5	6	CV0971	Cấn Linh	Trang	04/9/1998	Nữ	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	33	22	Đủ ĐK
5	5	7	CV0972	Phạm Tuấn	Vương	14/02/1998	Nam	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	28	22	
5	5	8	CV0973	Vũ Thị Hải	Yến	03/7/1994	Nữ	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Anh		TTR	Vắng	Vắng	
5	5	9	CV0974	Trần Việt	Anh	01/10/1992	Nam	151	VP HĐND và UBND huyện Phú Xuyên	Anh		TTR	Vắng	Vắng	
5	5	10	CV0975	Trần Trung	Kiên	21/3/1995	Nam	151	VP HĐND và UBND huyện Phú Xuyên	Anh		TTR	33	13	
5	5	11	CV0976	Nguyễn Đức	Minh	24/11/1999	Nam	151	VP HĐND và UBND huyện Phú Xuyên	Anh		TTR	36	11	
5	5	12	CV0977	Nguyễn Văn	Sơn	10/3/1990	Nam	151	VP HĐND và UBND huyện Phú Xuyên	Anh		TTR	42	4	
5	5	13	CV0978	Nguyễn Huy	Thế	26/10/1997	Nam	151	VP HĐND và UBND huyện Phú Xuyên	Anh		TTR	49	25	Đủ ĐK
5	5	14	CV0979	Đỗ Đức	Thiện	11/7/1998	Nam	151	VP HĐND và UBND huyện Phú Xuyên	Anh		TTR	38	12	
5	5	15	CV0980	Đinh Việt	Trung	27/7/1994	Nam	151	VP HĐND và UBND huyện Phú Xuyên	Anh		TTR	28	Vắng	
5	5	16	CV0981	Hoàng Thị	An	14/12/1990	Nữ	159	Thanh tra huyện Phúc Thọ	Anh		TTR	38	18	Đủ ĐK
5	5	17	CV0982	Nguyễn Văn	Hậu	19/08/1996	Nam	159	Thanh tra huyện Phúc Thọ	Anh	HTNV	TTR	26	Vắng	
5	5	18	CV0983	Hoàng Mạnh	Hùng	19/6/1991	Nam	159	Thanh tra huyện Phúc Thọ	Anh		TTR	32	11	
5	5	19	CV0984	Nguyễn Bá	Hùng	25/10/1980	Nam	159	Thanh tra huyện Phúc Thọ	Anh		TTR	21	6	
5	5	20	CV0985	Trịnh Thị Xuân	Liễu	24/01/1999	Nữ	159	Thanh tra huyện Phúc Thọ	Anh		TTR	41	24	Đủ ĐK

5	5	21	CV0986	Nguyễn Quyết	Thắng	12/01/1989	Nam	159	Thanh tra huyện Phúc Thọ	Anh		TTR	37	20	Đủ ĐK
5	5	22	CV0987	Nguyễn Thu	Thủy	21/9/1999	Nữ	159	Thanh tra huyện Phúc Thọ	Trung		TTR	42	26	Đủ ĐK
5	5	23	CV0988	Nguyễn Kim	Hoàng	07/01/1990	Nam	175	Thanh tra huyện Thanh Oai	Anh		TTR	36	13	
5	5	24	CV0989	Trần Nguyên	Hùng	20/11/1978	Nam	175	Thanh tra huyện Thanh Oai	Anh		TTR	32	23	Đủ ĐK
5	5	25	CV0990	Trần Văn	Ngành	19/7/1976	Nam	175	Thanh tra huyện Thanh Oai	Anh		TTR	Vắng	Vắng	
5	6	1	CV0991	Trương Đức	Quỳnh	25/7/1983	Nam	175	Thanh tra huyện Thanh Oai	Anh		TTR	Vắng	Vắng	
5	6	2	CV0992	Nguyễn Văn	Tuấn	05/9/1993	Nam	175	Thanh tra huyện Thanh Oai	Anh		TTR	19	Vắng	
5	6	3	CV0993	Nguyễn Thị	Yến	21/12/1989	Nữ	175	Thanh tra huyện Thanh Oai	Anh		TTR	Vắng	Vắng	
5	6	4	CV0994	Nguyễn Tuấn	Anh	28/10/1999	Nam	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Anh		XD	40	19	Đủ ĐK
5	6	5	CV0995	Trần Tuấn	Dũng	10/5/1998	Nam	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Anh		XD	42	17	Đủ ĐK
5	6	6	CV0996	Bùi Thị	Hiên	03/02/1990	Nữ	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Anh		XD	42	13	
5	6	7	CV0997	Trần Thị	Hiền	15/01/1991	Nữ	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Anh		XD	32	18	Đủ ĐK
5	6	8	CV0998	Nguyễn Thế	Hoàn	18/7/1992	Nam	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Anh		XD	30	11	
5	6	9	CV0999	Lý Hoàng	Minh	05/01/1984	Nam	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Anh		XD	32	9	
5	6	10	CV1000	Nguyễn Hữu	Sơn	17/8/1998	Nam	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Anh		XD	33	10	
5	6	11	CV1001	Nguyễn Duy	Thành	12/5/1989	Nam	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Anh		XD	16	Vắng	
5	6	12	CV1002	Ứng Văn	Thành	08/11/1973	Nam	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Anh		XD	49	24	Đủ ĐK
5	6	13	CV1003	Trần Anh	Tú	14/02/1992	Nam	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Anh		XD	40	19	Đủ ĐK

5	6	14	CV1004	Hà Ngọc	Cảnh	15/4/1983	Nam	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		XD	37	9	
5	6	15	CV1005	Vũ Đăng	Dương	16/10/1997	Nam	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		XD	Vắng	Vắng	
5	6	16	CV1006	Nguyễn Duy	Hùng	16/9/1991	Nam	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		XD	Vắng	Vắng	
5	6	17	CV1007	Đào Quốc	Huy	25/3/1991	Nam	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		XD	36	18	Đủ ĐK
5	6	18	CV1008	Lê Thành	Long	17/8/1991	Nam	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		XD	Vắng	Vắng	
5	6	19	CV1009	Mai Đức	Mai	15/4/1993	Nam	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Trung		XD	47	18	Đủ ĐK
5	6	20	CV1010	Nguyễn Quang	Minh	31/3/1986	Nam	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP			XD	32	Miễn	Đủ ĐK
5	6	21	CV1011	Đặng Thị Trà	My	08/11/1998	Nữ	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		XD	24	Vắng	
5	6	22	CV1012	Nguyễn Như	Quỳnh	14/02/1987	Nữ	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Anh		XD	30	13	
5	6	23	CV1013	Đào Việt	Dũng	12/11/1986	Nam	88	Đội QLTTXD ĐT quận Ba Đình	Anh		XD	45	20	Đủ ĐK
5	6	24	CV1014	Nguyễn Thanh	Phong	28/6/1991	Nam	88	Đội QLTTXD ĐT quận Ba Đình	Anh		XD	42	21	Đủ ĐK
5	6	25	CV1015	Phan Danh	Sơn	28/01/1981	Nam	88	Đội QLTTXD ĐT quận Ba Đình	Anh		XD	Vắng	Vắng	
5	6	26	CV1016	Phạm Thanh	Vân	07/11/1995	Nữ	88	Đội QLTTXD ĐT quận Ba Đình	Anh		XD	41	21	Đủ ĐK
5	6	27	CV1017	Nguyễn Tiến	Dũng	18/5/1976	Nam	89	Đội QLTTXD ĐT quận Ba Đình	Anh		XD	50	24	Đủ ĐK

5	6	28	CV1018	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	14/12/1978	Nữ	89	Đội QLTTXD ĐT quận Ba Đình	Anh		XD	37	14	
5	6	29	CV1019	Đinh Văn	Vỹ	02/5/1985	Nam	89	Đội QLTTXD ĐT quận Ba Đình	Anh		XD	43	21	Đủ ĐK
5	6	30	CV1020	Nguyễn Mạnh	Cường	27/7/1990	Nam	95	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	38	22	Đủ ĐK
5	6	31	CV1021	Nguyễn Mạnh	Hùng	22/6/1991	Nam	95	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	40	21	Đủ ĐK
5	6	32	CV1022	Nguyễn Ngọc	Hưng	28/01/1991	Nam	95	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	48	22	Đủ ĐK
5	6	33	CV1023	Nguyễn Thị	Minh	09/01/1986	Nữ	95	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	30	10	
5	6	34	CV1024	Đỗ Đức	Nam	07/3/1984	Nam	95	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	41	20	Đủ ĐK
5	6	35	CV1025	Trần Anh	Nam	24/10/1996	Nam	95	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	23	Vắng	
5	6	36	CV1026	Nguyễn Quốc	Quang	15/01/1995	Nam	95	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	26	Vắng	
5	6	37	CV1027	Lê Xuân	Sanh	08/7/1985	Nam	95	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm			XD	32	Miễn	Đủ ĐK
5	6	38	CV1028	Phạm Đức	Thành	9/4/1993	Nam	95	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	28	Vắng	
5	6	39	CV1029	Lê Xuân	Thịnh	07/5/1984	Nam	95	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	33	9	
5	6	40	CV1030	Nguyễn Hoàng Thành	Trung	04/11/1984	Nam	95	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	44	18	Đủ ĐK
5	7	1	CV1031	Đỗ Xuân	Trường	12/6/1992	Nam	95	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	43	14	
5	7	2	CV1032	Hoàng Văn	Vũ	29/5/1998	Nam	95	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	44	22	Đủ ĐK
5	7	3	CV1033	Trịnh Bình	An	25/11/1996	Nữ	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	40	25	Đủ ĐK
5	7	4	CV1034	Hoàng Dũng	Anh	23/01/1983	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	21	14	

5	7	5	CV1035	Trần Ngọc	Ánh	18/5/1980	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh	CBB	XD	25	Vắng	
5	7	6	CV1036	Phạm Minh	Đạt	16/11/2000	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	25	10	
5	7	7	CV1037	Trần Anh	Đức	05/01/1997	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	Vắng	Vắng	
5	7	8	CV1038	Vũ Văn	Dũng	03/12/1991	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm			XD	43	Miễn	Đủ ĐK
5	7	9	CV1039	Lê Thị Ngọc	Hà	10/11/2000	Nữ	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	31	28	Đủ ĐK
5	7	10	CV1040	Nguyễn Việt	Hà	01/11/1984	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh	CTB	XD	44	14	
5	7	11	CV1041	Nguyễn Văn	Hoàn	03/12/1998	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	32	14	
5	7	12	CV1042	Nguyễn Huy	Hoàng	14/12/1999	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh	DTTS	XD	40	7	
5	7	13	CV1043	Nguyễn Thị Thu	Hương	22/10/1998	Nữ	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	41	29	Đủ ĐK
5	7	14	CV1044	Trần Quang	Huy	29/10/2000	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	31	19	Đủ ĐK
5	7	15	CV1045	Vũ Thị Chúc	Khanh	06/10/2000	Nữ	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	46	24	Đủ ĐK
5	7	16	CV1046	Hoàng Thị	Lan	15/11/1997	Nữ	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	Vắng	Vắng	
5	7	17	CV1047	Đặng Tiến	Long	27/3/1987	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh	CĐCĐ	XD	35	14	
5	7	18	CV1048	Hoàng Vân	Lý	13/8/2000	Nữ	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	34	20	Đủ ĐK
5	7	19	CV1049	Tạ Thị Thanh	Mai	10/3/2000	Nữ	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	38	18	Đủ ĐK
5	7	20	CV1050	Đặng Huyền	My	17/11/1998	Nữ	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	47	26	Đủ ĐK
5	7	21	CV1051	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	22/01/1999	Nữ	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	Vắng	Vắng	

5	7	22	CV1052	Nguyễn Trọng Anh	Ngọc	20/11/1991	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm			XD	40	Miễn	Đủ ĐK
5	7	23	CV1053	Nguyễn Thị	Nguyệt	28/10/1989	Nữ	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	24	Vắng	
5	7	24	CV1054	Tạ Thị Thanh	Nhàn	8/10/1997	Nữ	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	38	19	Đủ ĐK
5	7	25	CV1055	Nguyễn Thị Lan	Phương	03/10/1996	Nữ	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	25	Vắng	
5	7	26	CV1056	Đoàn Hiếu	Thảo	24/7/1988	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh	HTNV	XD	Vắng	Vắng	
5	7	27	CV1057	Nguyễn Thừa	Tiếp	08/6/1994	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	44	22	Đủ ĐK
5	7	28	CV1058	Phan Thị Việt	Trinh	25/5/1997	Nữ	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	29	Vắng	
5	7	29	CV1059	Mai Nhân	Trọng	14/01/1980	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh	CTB	XD	41	22	Đủ ĐK
5	7	30	CV1060	Nguyễn Anh	Tú	18/02/1995	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	33	15	Đủ ĐK
5	7	31	CV1061	Nguyễn Thị	Vân	07/01/1999	Nữ	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	44	24	Đủ ĐK
5	7	32	CV1062	Trần	Vũ	25/4/1989	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	33	20	Đủ ĐK
5	7	33	CV1063	Nguyễn Minh	Ý	18/8/1996	Nam	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Anh		XD	25	13	
5	7	34	CV1064	Phạm Hải	Long	01/3/1990	Nam	113	Đội QLTTXD ĐT quận Long Biên			XD	31	Miễn	Đủ ĐK
5	7	35	CV1065	Nguyễn Bảo	Ngọc	17/5/1996	Nam	113	Đội QLTTXD ĐT quận Long Biên	Anh		XD	37	15	Đủ ĐK
5	7	36	CV1066	Nguyễn Hoàng	Nam	12/3/1983	Nam	114	Đội QLTTXD ĐT quận Long Biên	Anh		XD	22	Vắng	
5	7	37	CV1067	Bùi Mạnh	Toàn	04/12/1982	Nam	114	Đội QLTTXD ĐT quận Long Biên	Anh		XD	44	24	Đủ ĐK
5	7	38	CV1068	Nguyễn Khoa	Trung	26/6/1988	Nam	114	Đội QLTTXD ĐT quận Long Biên	Anh		XD	29	5	

5	7	39	CV1069	Nguyễn Tuấn	Trung	23/01/1996	Nam	114	Đội QLTTXD ĐT quận Long Biên	Anh		XD	23	Vắng	
5	7	40	CV1070	Đỗ	Tuân	09/7/1986	Nam	114	Đội QLTTXD ĐT quận Long Biên	Anh		XD	22	8	
6	1	1	CV1071	Phạm Văn	An	23/11/1979	Nam	115	Đội QLTTXD ĐT quận Thanh Xuân	Anh		XD	31	17	Đủ ĐK
6	1	2	CV1072	Nguyễn Văn	Linh	22/5/1994	Nam	115	Đội QLTTXD ĐT quận Thanh Xuân	Anh		XD	38	18	Đủ ĐK
6	1	3	CV1073	Bùi Công	Luyện	17/12/1994	Nam	115	Đội QLTTXD ĐT quận Thanh Xuân	Anh		XD	46	23	Đủ ĐK
6	1	4	CV1074	Nguyễn Thị	Phượng	16/6/1994	Nữ	115	Đội QLTTXD ĐT quận Thanh Xuân	Anh		XD	39	11	
6	1	5	CV1075	Tống Minh	Thành	26/11/1985	Nam	115	Đội QLTTXD ĐT quận Thanh Xuân	Anh	DTTS	XD	36	22	Đủ ĐK
6	1	6	CV1076	Nguyễn	Chiến	10/5/1992	Nam	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	34	23	Đủ ĐK
6	1	7	CV1077	Nguyễn Tiến	Đại	18/10/1991	Nam	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	42	18	Đủ ĐK
6	1	8	CV1078	Nguyễn Văn	Hải	12/11/1985	Nam	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Anh	CBB	XD	40	12	
6	1	9	CV1079	Trần Đức	Linh	09/12/1992	Nam	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	39	14	
6	1	10	CV1080	Hoàng Văn	Nguyên	08/6/1993	Nam	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	45	21	Đủ ĐK
6	1	11	CV1081	Khuất Văn	Nội	25/02/1983	Nam	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	35	10	
6	1	12	CV1082	Cấn Thị	Thiêm	29/10/1998	Nữ	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	48	19	Đủ ĐK
6	1	13	CV1083	Dương Văn	Trường	10/5/1998	Nam	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Anh	CTB	XD	33	13	
6	1	14	CV1084	Lê Quang	Tùng	20/12/1995	Nam	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	32	17	Đủ ĐK
6	1	15	CV1085	Hà Quốc	Việt	06/9/1995	Nam	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	35	14	
6	1	16	CV1086	Nguyễn Bá	Chiến	07/9/1989	Nam	118	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	34	7	

6	1	17	CV1087	Nguyễn Viết	Cường	12/01/1987	Nam	118	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	37	17	Đủ ĐK
6	1	18	CV1088	Phùng Minh Đức	Linh	03/12/1998	Nam	118	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	27	15	
6	1	19	CV1089	Lê Văn	Tiến	24/7/1990	Nam	118	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	22	10	
6	1	20	CV1090	Nguyễn Sơn	Tùng	26/6/1991	Nam	118	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	34	18	Đủ ĐK
6	1	21	CV1091	Nguyễn Hoàng	Anh	04/7/1998	Nữ	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	42	26	Đủ ĐK
6	1	22	CV1092	Ngô Ngọc	Ánh	9/9/1996	Nữ	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	35	15	Đủ ĐK
6	1	23	CV1093	Hoàng Thị Xuân	Ban	27/6/1990	Nữ	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	1	24	CV1094	Nguyễn Thị	Bình	20/8/1985	Nữ	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	36	8	
6	1	25	CV1095	Phí Mạnh	Hanh	04/11/1998	Nam	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Pháp		XD	38	22	Đủ ĐK
6	1	26	CV1096	Trần Văn	Hiệp	29/4/1989	Nam	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	36	6	
6	1	27	CV1097	Nguyễn Thị Thu	Huyền	12/9/1992	Nữ	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	31	10	
6	1	28	CV1098	Nguyễn Hữu	Khôi	01/5/1998	Nam	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	27	7	
6	1	29	CV1099	Lê Thị Diệu	Linh	09/6/1993	Nữ	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	34	9	
6	1	30	CV1100	Trần Minh	Phương	04/6/1997	Nữ	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	1	31	CV1101	Đặng Ngọc	Sơn	27/8/1985	Nam	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	35	5	
6	1	32	CV1102	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	24/10/1997	Nữ	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	1	33	CV1103	Đặng Anh	Tú	08/3/1996	Nam	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Anh		XD	38	8	
6	1	34	CV1104	Nguyễn Hoàng	Kiên	26/01/1996	Nam	120	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Anh		XD	38	23	Đủ ĐK

6	2	1	CV1105	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14/11/1999	Nữ	121	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Anh		XD	29	10	
6	2	2	CV1106	Nguyễn Khắc	Hiếu	11/9/1994	Nam	121	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Anh		XD	41	11	
6	2	3	CV1107	Nguyễn Thị	Hồng	20/12/1994	Nữ	121	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Anh		XD	31	22	Đủ ĐK
6	2	4	CV1108	Chu Đức	Hưng	20/7/1997	Nam	121	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Anh		XD	22	Vắng	
6	2	5	CV1109	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	11/9/2000	Nữ	122	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Anh		XD	39	16	Đủ ĐK
6	2	6	CV1110	Giang Thị Vân	Anh	09/8/1995	Nữ	122	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Anh	CTB	XD	28	Vắng	
6	2	7	CV1111	Lương Hoàng Phương	Anh	25/7/1995	Nữ	122	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Anh		XD	30	21	Đủ ĐK
6	2	8	CV1112	Nguyễn Trọng	Cường	19/10/1989	Nam	122	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Anh		XD	33	11	
6	2	9	CV1113	Đỗ Thị	Lan	04/01/1998	Nữ	122	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	2	10	CV1114	Đỗ Thành	Long	18/11/2000	Nam	122	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Anh		XD	39	13	
6	2	11	CV1115	Phan Thị Khánh	Ly	21/6/1998	Nữ	122	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Anh		XD	36	26	Đủ ĐK
6	2	12	CV1116	Lê Văn	Thân	03/6/1980	Nam	122	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Anh		XD	31	10	
6	2	13	CV1117	Nguyễn Quốc	Anh	09/5/1991	Nam	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	32	8	
6	2	14	CV1118	Khuất Duy	Biên	20/11/1989	Nam	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	43	25	Đủ ĐK
6	2	15	CV1119	Nguyễn Chu	Biên	03/11/1987	Nam	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh	CBB	XD	40	8	
6	2	16	CV1120	Đỗ Thanh	Định	13/8/1981	Nam	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh	CBB	XD	30	14	
6	2	17	CV1121	Phạm Anh	Đức	21/11/1998	Nam	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	27	17	
6	2	18	CV1122	Đỗ Anh	Dương	03/12/1993	Nam	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Pháp		XD	20	22	

6	2	19	CV1123	Bùi Hải	Hà	11/8/1987	Nam	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh	HTNV	XD	45	13	
6	2	20	CV1124	Doãn Duy	Linh	16/2/1989	Nam	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	31	12	
6	2	21	CV1125	Trần Văn	Lương	07/12/1998	Nam	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	29	Vắng	
6	2	22	CV1126	Nguyễn Đăng	Quân	04/12/1994	Nam	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	24	8	
6	2	23	CV1127	Nguyễn Phú	Quý	06/3/1991	Nam	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh	HTNV	XD	40	21	Đủ ĐK
6	2	24	CV1128	Nguyễn Đức	Trung	05/5/1992	Nam	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	34	10	
6	2	25	CV1129	Tống Văn	Tùng	17/8/1995	Nam	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	27	14	
6	3	1	CV1130	Trần Tuấn	Anh	29/7/1995	Nam	131	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	39	24	Đủ ĐK
6	3	2	CV1131	Nguyễn Tùng	Lâm	08/8/1994	Nam	131	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	46	29	Đủ ĐK
6	3	3	CV1132	Vũ Hồng	Sơn	11/6/1997	Nam	132	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	41	20	Đủ ĐK
6	3	4	CV1133	Giang Phương	Thảo	03/11/2000	Nữ	132	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Trung		XD	42	28	Đủ ĐK
6	3	5	CV1134	Chử Minh	Toàn	16/3/1986	Nam	132	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh	HTNV	XD	45	22	Đủ ĐK
6	3	6	CV1135	Nguyễn Thị Cẩm	Anh	20/10/1988	Nữ	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	37	19	Đủ ĐK
6	3	7	CV1136	Nguyễn Tiến	Đông	28/12/1994	Nam	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	3	8	CV1137	Nguyễn Trí	Dũng	13/8/1996	Nam	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	3	9	CV1138	Nguyễn Hải	Dương	18/6/1999	Nữ	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	28	13	
6	3	10	CV1139	Phạm Lê	Duy	18/10/1996	Nam	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	49	26	Đủ ĐK
6	3	11	CV1140	Nguyễn Thị Minh	Giang	29/12/1994	Nữ	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	51	13	

6	3	12	CV1141	Bùi Thị Thu	Hằng	10/9/1993	Nữ	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	35	8	
6	3	13	CV1142	Nguyễn Huy	Hoàng	19/12/1991	Nam	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	38	10	
6	3	14	CV1143	Tạ Quang	Huy	27/4/1978	Nam	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	3	15	CV1144	Nguyễn Hải	Long	22/4/1988	Nam	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	45	21	Đủ ĐK
6	3	16	CV1145	Chu Thị Hồng	Nhung	12/12/1994	Nữ	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	3	17	CV1146	Đỗ Lan	Phương	05/5/1997	Nữ	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	23	8	
6	3	18	CV1147	Nguyễn Thị Anh	Phương	21/2/1995	Nữ	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	33	18	Đủ ĐK
6	3	19	CV1148	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/7/1994	Nữ	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	3	20	CV1149	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/01/1987	Nữ	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Anh		XD	35	11	
6	3	21	CV1150	Vương Duy	Cương	09/8/1995	Nam	146	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	24	15	
6	3	22	CV1151	Đàm Thị Phương	Hoa	03/6/1998	Nữ	146	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	27	13	
6	3	23	CV1152	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	04/10/1997	Nữ	146	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	27	8	
6	3	24	CV1153	Bùi Văn	Phúc	18/5/1994	Nam	146	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	29	Vắng	
6	3	25	CV1154	Nguyễn Văn	Quang	07/7/1997	Nam	146	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	26	9	
6	4	1	CV1155	Chu Quang	Tuân	17/11/1996	Nam	146	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	29	Vắng	
6	4	2	CV1156	Đỗ Thị	Uyên	07/01/1997	Nữ	146	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	38	22	Đủ ĐK
6	4	3	CV1157	Nguyễn Duy	Chiến	25/01/1990	Nam	147	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	33	11	
6	4	4	CV1158	Lê Tiến	Đạt	05/10/1998	Nam	147	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	35	12	

6	4	5	CV1159	Bùi Sơn	Dương	16/10/1989	Nam	147	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	43	22	Đủ ĐK
6	4	6	CV1160	Tuấn Nguyên	Thắng	22/6/1993	Nam	147	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	35	13	
6	4	7	CV1161	Nguyễn Thị	Thu	31/12/1981	Nữ	147	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	47	24	Đủ ĐK
6	4	8	CV1162	Phạm Thị	Vận	02/02/1993	Nữ	147	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	38	18	Đủ ĐK
6	4	9	CV1163	Phạm Quốc	Anh	15/8/1997	Nam	148	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	39	21	Đủ ĐK
6	4	10	CV1164	Nguyễn Xuân	Huy	21/5/1992	Nam	148	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	37	14	
6	4	11	CV1165	Nguyễn Thị Thu	Hiền	17/02/1993	Nữ	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	31	9	
6	4	12	CV1166	Trần Thị	Hoa	07/8/1988	Nữ	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	33	17	Đủ ĐK
6	4	13	CV1167	Uông Văn	Lập	07/10/1991	Nam	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	46	24	Đủ ĐK
6	4	14	CV1168	Nguyễn Thu Bảo	Ngọc	17/8/1999	Nữ	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh	DTTS	XD	34	24	Đủ ĐK
6	4	15	CV1169	Nguyễn Viết	Phiên	23/10/1982	Nam	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	36	10	
6	4	16	CV1170	Nguyễn Văn	Phúc	28/11/1985	Nam	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	33	13	
6	4	17	CV1171	Đào Bá	Quân	26/01/1987	Nam	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	47	23	Đủ ĐK
6	4	18	CV1172	Nguyễn Chung	Thực	22/12/1981	Nam	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	50	25	Đủ ĐK
6	4	19	CV1173	Nguyễn Huyền	Trang	08/5/1996	Nữ	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức			XD	Vắng	Miễn	
6	4	20	CV1174	Đoàn Thị Thùy	Dung	21/8/1998	Nữ	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	37	19	Đủ ĐK
6	4	21	CV1175	Nguyễn Trung	Dũng	10/12/1989	Nam	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	28	7	
6	4	22	CV1176	Ngô Thị	Hồng	07/5/1981	Nữ	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	Vắng	Vắng	

6	4	23	CV1177	Nguyễn Đắc	Hùng	29/11/1987	Nam	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	36	12	
6	4	24	CV1178	Phạm Thị Kim	Loan	26/01/1992	Nữ	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	4	25	CV1179	Nguyễn Văn	Luật	10/12/1984	Nam	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	29	10	
6	5	1	CV1180	Phùng Thị	Ngọc	26/4/1985	Nữ	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	32	13	
6	5	2	CV1181	Chu Chung	Thành	30/10/1990	Nam	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	38	9	
6	5	3	CV1182	Kiều Thị	Thơm	12/02/1992	Nữ	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	5	4	CV1183	Nguyễn Thị	Tuyết	11/6/1986	Nữ	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Anh		XD	38	12	
6	5	5	CV1184	Nguyễn Lan	Anh	11/11/1986	Nữ	156	Phòng Quản lý đô thị huyện Phúc Thọ	Anh		XD	39	17	Đủ ĐK
6	5	6	CV1185	Nguyễn Thành	Đạt	01/5/1989	Nam	156	Phòng Quản lý đô thị huyện Phúc Thọ	Anh		XD	32	15	Đủ ĐK
6	5	7	CV1186	Nguyễn Hải	Hậu	11/12/1985	Nam	157	Phòng Quản lý đô thị huyện Phúc Thọ	Anh	CTB	XD	44	19	Đủ ĐK
6	5	8	CV1187	Đoàn Thị Quế	Anh	19/5/1998	Nữ	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		XD	31	11	
6	5	9	CV1188	Đoàn Thị Minh	Châu	12/10/1991	Nữ	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		XD	25	8	
6	5	10	CV1189	Hoàng Tiến	Đạt	28/6/1997	Nam	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		XD	45	23	Đủ ĐK
6	5	11	CV1190	Ngô Tuấn	Đạt	28/11/1991	Nam	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		XD	24	Vắng	
6	5	12	CV1191	Ngô Minh	Đức	09/10/1990	Nam	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		XD	23	10	
6	5	13	CV1192	Lê Văn	Dũng	22/6/1990	Nam	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ			XD	43	Miễn	Đủ ĐK
6	5	14	CV1193	Nguyễn Thị	Hà	28/02/1997	Nữ	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	5	15	CV1194	Hoàng Văn	Hậu	17/12/1988	Nam	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		XD	46	12	

6	5	16	CV1195	Nguyễn Danh	Hùng	29/9/1986	Nam	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		XD	39	19	Đủ ĐK
6	5	17	CV1196	Nguyễn Quang	Khải	17/9/1998	Nam	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		XD	32	17	Đủ ĐK
6	5	18	CV1197	Nguyễn Quản	Lương	10/9/1982	Nam	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		XD	33	16	Đủ ĐK
6	5	19	CV1198	Bùi Nhật	Minh	04/10/1999	Nam	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		XD	32	20	Đủ ĐK
6	5	20	CV1199	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	30/5/1993	Nữ	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		XD	27	Vắng	
6	5	21	CV1200	Lê Thị	Thái	14/3/1986	Nữ	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	5	22	CV1201	Kiều Duy	Toàn	04/10/1996	Nam	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		XD	27	13	
6	5	23	CV1202	Tạ Tiến	Toàn	01/9/1988	Nam	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Anh		XD	30	12	
6	5	24	CV1203	Nguyễn Thanh	Chiến	22/9/1991	Nam	168	Đội QLTTXD ĐT huyện Quốc Oai	Anh		XD	30	15	Đủ ĐK
6	5	25	CV1204	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	08/12/1998	Nữ	168	Đội QLTTXD ĐT huyện Quốc Oai	Anh		XD	37	17	Đủ ĐK
6	6	1	CV1205	Nguyễn Thị	Huyền	01/02/1998	Nữ	168	Đội QLTTXD ĐT huyện Quốc Oai	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	6	2	CV1206	Đào Thị Mỹ	Linh	06/11/1993	Nữ	168	Đội QLTTXD ĐT huyện Quốc Oai	Anh		XD	33	20	Đủ ĐK
6	6	3	CV1207	Nguyễn Quang	Thiều	03/11/1998	Nam	168	Đội QLTTXD ĐT huyện Quốc Oai	Anh		XD	30	10	
6	6	4	CV1208	Nguyễn Thị	Xim	24/8/1999	Nữ	168	Đội QLTTXD ĐT huyện Quốc Oai	Anh		XD	31	17	Đủ ĐK
6	6	5	CV1209	Dương Đức	Anh	11/9/1994	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	21	Vắng	
6	6	6	CV1210	Nguyễn Kim	Anh	10/11/1994	Nữ	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	40	16	Đủ ĐK
6	6	7	CV1211	Trần Ngọc	Anh	03/12/1984	Nữ	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	18	7	
6	6	8	CV1212	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	19/11/1992	Nữ	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	39	11	

6	6	9	CV1213	Nguyễn Đình	Dự	19/9/1993	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	41	19	Đủ ĐK
6	6	10	CV1214	Nguyễn Thị	Dung	16/12/1989	Nữ	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	34	8	
6	6	11	CV1215	Nguyễn Thị Thùy	Dương	08/11/1998	Nữ	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	27	Vắng	
6	6	12	CV1216	Đặng Thị Minh	Hằng	12/02/1990	Nữ	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	35	16	Đủ ĐK
6	6	13	CV1217	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	10/8/1998	Nữ	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	34	11	
6	6	14	CV1218	Nguyễn Thị Thu	Hương	22/10/1998	Nữ	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	6	15	CV1219	Nguyễn Quang	Huy	23/12/1997	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	49	25	Đủ ĐK
6	6	16	CV1220	Đặng Thị Thanh	Huyền	15/6/1994	Nữ	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	24	Vắng	
6	6	17	CV1221	Nguyễn Thị	Huyền	05/12/1992	Nữ	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	6	18	CV1222	Đỗ Khắc	Kiên	26/9/1984	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	37	19	Đủ ĐK
6	6	19	CV1223	Nguyễn Thế	Kiên	01/8/1992	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	27	Vắng	
6	6	20	CV1224	Nguyễn Văn	Minh	7/11/1997	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	27	Vắng	
6	6	21	CV1225	Nguyễn Thúy	My	01/01/1994	Nữ	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	39	21	Đủ ĐK
6	6	22	CV1226	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	07/11/1993	Nữ	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	33	11	
6	6	23	CV1227	Nguyễn Văn	Ninh	07/12/1992	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	6	24	CV1228	Nguyễn Thị Kim	Oanh	12/10/1997	Nữ	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	20	Vắng	
6	6	25	CV1229	Nông Đức	Tâm	21/9/1986	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh	DTTS	XD	27	Vắng	
6	6	26	CV1230	Nguyễn Mạnh	Thái	12/4/1993	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	30	6	

6	6	27	CV1231	Nguyễn Trọng	Thắng	24/8/1994	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	6	28	CV1232	Nguyễn Văn	Thắng	16/6/1985	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	30	10	
6	6	29	CV1233	Nguyễn Công	Thành	27/5/1995	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	32	9	
6	6	30	CV1234	Đào Anh	Thịnh	05/7/1992	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	6	31	CV1235	Nguyễn Thị	Thư	03/3/1994	Nữ	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai			XD	34	Miễn	Đủ ĐK
6	6	32	CV1236	Hoàng Văn	Tiến	24/10/1998	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	49	24	Đủ ĐK
6	6	33	CV1237	Đặng Thu	Trang	22/11/1991	Nữ	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	6	34	CV1238	Phùng Anh	Tú	24/4/1993	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	34	10	
6	6	35	CV1239	Nguyễn Thị	Tuyết	22/7/1991	Nữ	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	33	12	
6	6	36	CV1240	Lại Xuân	Vũ	06/01/1991	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	6	37	CV1241	Hà Quốc	Vương	02/11/1995	Nam	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Anh		XD	45	23	Đủ ĐK
6	6	38	CV1242	Bạch Văn	An	08/5/1992	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	37	16	Đủ ĐK
6	6	39	CV1243	Đỗ Văn	Biên	22/9/1994	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	24	Vắng	
6	6	40	CV1244	Hà Văn	Bình	28/8/1987	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	34	8	
6	7	1	CV1245	Phạm Quang	Chiến	18/01/1991	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	47	28	Đủ ĐK
6	7	2	CV1246	Nguyễn Công	Đoàn	31/5/1991	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	33	9	
6	7	3	CV1247	Ngô Đức	Đông	21/10/1991	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	29	11	
6	7	4	CV1248	Nguyễn Thị Phương	Dung	29/8/1990	Nữ	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	45	19	Đủ ĐK

6	7	5	CV1249	Hoàng Anh	Dũng	02/11/1990	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	35	8	
6	7	6	CV1250	Ngô Tiến	Dũng	03/9/1987	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	40	14	
6	7	7	CV1251	Nguyễn Đức	Dương	16/11/1990	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	44	23	Đủ ĐK
6	7	8	CV1252	Quản Hoàng	Duy	14/9/1990	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	7	9	CV1253	Trương Tuấn	Hải	18/9/1984	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	7	10	CV1254	Trần Thế	Hiển	14/6/1990	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	36	16	Đủ ĐK
6	7	11	CV1255	Nguyễn Thiên	Hoàng	26/6/1989	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	26	6	
6	7	12	CV1256	Phùng Văn	Hùng	05/6/1983	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	28	9	
6	7	13	CV1257	Ngô Xuân	Lộc	23/2/1995	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	45	28	Đủ ĐK
6	7	14	CV1258	Nguyễn Hữu	Phúc	05/7/1997	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	34	9	
6	7	15	CV1259	Tô Văn	Vững	14/10/1989	Nam	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Anh		XD	Vắng	Vắng	
6	7	16	CV1260	Đỗ Phương	Linh	27/01/1997	Nữ	68	Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế	Anh		YT	Vắng	Vắng	
6	7	17	CV1261	Nguyễn Thanh	Thủy	01/9/1997	Nữ	68	Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế	Anh		YT	38	17	Đủ ĐK
6	7	18	CV1262	Nguyễn Thị Mai	Châm	12/3/1993	Nữ	86	Phòng Y tế quận Ba Đình	Anh		YT	31	20	Đủ ĐK
6	7	19	CV1263	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	04/11/1994	Nữ	86	Phòng Y tế quận Ba Đình	Anh		YT	41	17	Đủ ĐK
6	7	20	CV1264	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	22/11/1991	Nữ	86	Phòng Y tế quận Ba Đình	Anh		YT	36	23	Đủ ĐK
6	7	21	CV1265	Phạm Văn	Huy	25/10/1995	Nam	86	Phòng Y tế quận Ba Đình	Anh		YT	49	25	Đủ ĐK
6	7	22	CV1266	Nguyễn Thành	Nơi	23/6/1994	Nam	86	Phòng Y tế quận Ba Đình	Trung	CĐCĐ	YT	33	22	Đủ ĐK
6	7	23	CV1267	Nguyễn Thị	My	05/11/1991	Nữ	94	Phòng Y tế quận Bắc Từ Liêm	Anh		YT	34	23	Đủ ĐK

6	7	24	CV1268	Nguyễn Tuấn	Vũ	10/6/1990	Nam	94	Phòng Y tế quận Bắc Từ Liêm	Anh		YT	31	Vắng	
6	7	25	CV1269	Nguyễn Thị Hồng	Anh	09/11/1988	Nữ	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Anh		YT	27	Vắng	
6	7	26	CV1270	Nguyễn Vân	Anh	28/7/1994	Nữ	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Anh		YT	39	19	Đủ ĐK
6	7	27	CV1271	Phạm Hiền	Anh	12/6/1994	Nữ	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Anh		YT	Vắng	Vắng	
6	7	28	CV1272	Đặng Thị Thu	Cúc	08/4/1993	Nữ	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Anh	CLS	YT	36	13	
6	7	29	CV1273	Nghiêm Thu	Hằng	20/10/1995	Nữ	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Anh	CĐCĐ	YT	46	22	Đủ ĐK
6	7	30	CV1274	Nguyễn Khánh	Huyền	02/02/1994	Nữ	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Anh		YT	35	23	Đủ ĐK
6	7	31	CV1275	Vũ Hồ Khánh	Linh	10/11/1998	Nữ	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Anh		YT	24	22	
6	7	32	CV1276	Nguyễn Kim	Ngân	29/9/1992	Nữ	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Anh		YT	26	Vắng	
6	7	33	CV1277	Vũ Nhâm	Quỳnh	07/5/1982	Nữ	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Anh	CĐCĐ	YT	47	22	Đủ ĐK
6	7	34	CV1278	Nguyễn Thị Thu	Thảo	02/12/1997	Nữ	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Anh		YT	40	15	Đủ ĐK
6	7	35	CV1279	Nguyễn Anh	Tú	30/3/1995	Nam	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Anh		YT	33	11	
6	7	36	CV1280	Nguyễn Thị Hải	Yến	11/6/1998	Nữ	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Anh		YT	32	11	
6	7	37	CV1281	Vũ Thị Minh	Huyền	02/01/1997	Nữ	110	Phòng Y tế quận Hoàn Kiếm	Anh		YT	41	22	Đủ ĐK
6	7	38	CV1282	Chu Ngọc	Diệp	01/02/1999	Nữ	140	Phòng Y tế huyện Gia Lâm	Anh		YT	Vắng	Vắng	
6	7	39	CV1283	Hà Thu	Hằng	11/02/1983	Nữ	174	Phòng Y Tế huyện Thạch Thất	Anh		YT	37	19	Đủ ĐK
6	7	40	CV1284	Phạm Thị	Lý	11/12/1987	Nữ	174	Phòng Y Tế huyện Thạch Thất	Anh		YT	28	24	